

SỰ TỰ XÉT GHI TRONG NHÀ PHẬT

QUYỂN HẠ

I. GHI VỀ HẠI VẬT THƯƠNG TÔN ĐỨC TỪ.

1. Sa-môn Trúc Pháp Tuệ ở Tương dương thời nhà Tấn bị hại và môn nhân đệ tử bị bẻ gãy chân.

Sa-môn Trúc Pháp Tuệ vốn dòng họ Trương là bậc Hiền giả ngay thẳng rất có giới hạnh, lại còn có cả Thần tích, từng bảo cùng đệ tử là Sa-môn Pháp Chiếu rằng: “Ở trong quá khứ ông từng bẻ chân 1 con gà, ương lụy đó vẫn còn tìm đến ngày nay, ông nên cẩn trọng đó”. Pháp Chiếu bỗng nhiên đi ra, lằm bị người đánh ném bèn gãy 1 cẳng chân, Pháp Chiếu mới tin ngộ. Trúc Pháp Tuệ lại nói cùng môn nhân rằng: “Ta có mắc nợ oan trái xưa trước, nay phải nhận chịu”. Bỗng chốc đi đến hướng Tây, bèn bị Sư Tử Cung làm hại.

2. Thích Tăng Quân, ở Hoắc sơn bẻ gãy cánh vịt thấy nhận chịu quả báo. (Rút từ Minh Tường ký, phụ: Chi Tuần).

Thích Tăng Quân, chưa rõ ngài là người xứ nào, thường luôn thanh bần thủ tiết, ăn rau quả trì tụng kinh. Về sau, đến ở Hoắc Sơn, núi ấy một mình riêng lẻ trong biển, phía trên có chén đá, đường kính khoảng vài trượng, nước sâu khoảng 6, 7 thước thường có dòng chảy trong mát. Các bậc kỳ lão xưa trước tương truyền đó là chỗ ở của các tiên, uống nước tức liền chẳng đói, nhân đó dứt bỏ gạo thóc. Am cốc của Ngài ở cách chén ấy một khe suối nhỏ, thường lấy cây gỗ làm xà cầu, do đó mà qua lại mức nước. Về sau, có một lúc bỗng thấy 1 con vịt bị bẻ gãy cánh buông rơi cánh ở đầu xà cầu đến lệt xệt, Ngài muốn giết tích trượng gạt vứt đi, bỗng nhiên nghĩ nhớ thuở thiếu thời từng bẻ gãy cánh 1 con vịt, tự nghiệm lấy đó làm nhận chịu quả báo, mới bỏ hẳn sự ăn uống mà thị tịch. Đến lúc sắp tịch tỏ bày sự ấy đầy đủ với người mà thôi!

Lại nữa, Sa-môn Chi Tuần tự là Đạo Lâm, vốn dòng họ Lậu, người xứ Trần Lưu. Ngài xuất gia từ thuở thiếu thời, là bậc thần tuấn siêu ngộ ngàn năm có được một người, mà lấy làm trứng gà ấp khí chưa đủ cho

là không có mạng sống, nói ăn thứ đó không tội. Thầy của Ngài là bậc danh Tăng giới hạnh trinh thuần thường vì dạy răn, mà Ngài khoái biện luận nói thẳng lời nên thầy Ngài chẳng thể điều phục. Sau khi thầy Ngài đã thị tịch, bỗng lại hiện hình lấy trứng gà đối trước mặt Ngài mà ném nơi đất, mới có gà con từ trong trứng xuất hiện ra bay liệng mổ ăn, trong ý Ngài hơi sinh nghi ngờ, chưa thể toàn cải đổi, về sau lại muốn ăn đó nữa, bèn mộng thấy có 2 vợ chồng người nọ đến quỳ thẳng trước mặt Ngài mà thưa rằng: “Có 30 người con, ngày mai cung cấp vào nhà trừ để nấu ăn, nên xin thầy ban tha mạng, nguyện rủ lòng xót thương cứu vớt”. Mới ngậm gà con đến trước mặt Ngài gõ phá, đều có những đứa trẻ mặc áo trắng từ trong mà ra. Sau khi tỉnh giấc rồi, Ngài rất tự hối trách, từ đó chỉ rau quả đến trọn đời.

3. Sa-môn Trúc Tuệ Sĩ ở chùa Tứ Tầng tại Giang Lăng thời tiền Tống ăn thịt nên sinh làm chó đói nơi địa ngục. (Rút từ Minh Tường ký).

Sa-môn Trúc Tuệ Sĩ người xứ Tân Dã, ở chùa Tứ Tầng tại Giang Lăng, tịch năm Vĩnh Sơ thứ 2 (421) thời tiền Tống. Các đệ tử vì thiết trai hội cúng dường 7 ngày. Ngày đó, lúc sắp tối đốt hương xong. Sa-môn Đạo Hiền nhân sang trông xem đệ tử của Tuệ Sĩ, vừa đến trước cửa phòng, bỗng thấy loáng thoáng như có hình bóng người. Trông nhìn kỹ thì là Tuệ Sĩ, dung mạo y phục chẳng khác lúc bình sinh. Tuệ Sĩ nói cùng Đạo Hiền rằng: “Ông ăn thịt có ngon chẳng?” Đạo Hiền đáp: “Ngon!” Tuệ Sĩ bảo: “Tôi vì ăn thịt nên nay đọa làm chó đói nơi địa ngục”. Đạo Hiền kinh sợ chưa kịp nói năng gì. Tuệ Sĩ lại bảo rằng: “Nếu như ông không tin thì thử trông xem sau lưng tôi”. Mới vén lưng cho Đạo Hiền xem, thấy 3 con chó vàng, một nửa thân hình tợ như lửa, mắt rất đỏ phóng tỏa ánh sáng soi chiếu vào trong cửa nhà, tướng trạng như muốn gặm cắn Tuệ Sĩ mà lại ngưng dừng. Đạo Hiền kinh sợ chết ngất, giây lâu mới sống lại tỏ bày đầy đủ sự việc ấy, nhân đó mà hối chữa cải đổi.

4. Linh Tài ở thời nhà Tề ăn thịt vừa vào cổ họng bị đau khổ mà chết.

Linh Tài vốn dòng họ Triệu, người xứ Đông Dương. Tuy thân dự phần Đạo môn mà hạnh đồng như thế tục, nhóm tụ uống ăn, chưa bao giờ sinh tâm hổ thẹn. Từng ở tại xứ Ngô đến nhà Hào Sĩ Cổ Bái, đưa khách lên chơi tại đình Thăng Bình, thấy dẫn theo 1 con dê sắp đưa vào

bếp để làm thịt, vì lưới tham che phủ Tâm nên Linh Tài chẳng hề cản ngăn, bỗng chốc con dê ấy kéo giựt đứt dây chạy vào dưới đầu gối Linh Tài xuyên chui đầu vào dưới áo ca sa, tỏ vẻ muốn được cứu giúp, mà Linh Tài vẫn điềm nhiên không nói năng gì. Con dê đã bị dẫn kéo đi, chỉ chốc lát mỡ xẻ đã xong, đốt lửa nướng mà hành. Linh Tài trước ăn một miếng thịt mới đưa vào cổ họng, thịt bèn từ trên chạy xuống dưới xung chạm tới tim quấy động trong bụng, thắt chặt khổ thống, chẳng thể kham nhẫn, đứng nằm rên rỉ, đau buốt những người chung quanh. Cổ Bái liền bảo thầy thuốc châm chích, cứu còn nhiều động, mới phá da mà ra nguyên miếng thịt cũ, Linh Tài mắc bệnh làm tiếng dê kêu nhả nước bọt, trở về chùa thời gian ngắn thì qua đời, mọi người xa gần thấy nghe đều lấy đó để tự răn mình chỉnh túc.

5. Sa-môn Trí Thận ở Dương Châu thời nhà Trần bị vua Diêm-ma răn dè khuyên bảo. (Rút từ Trưng Nghiêm truyện).

Sa-môn Trí Thận, chưa rõ là người thuộc dòng tộc nào, nói năng hành xử có lắm bản dơ, đam mê dâm dục, thường ăn cá tươi lấy làm ngọt ngon miệng bụng, mới tại nơi phòng đào cái hồ rộng khoảng 2 trượng thả nuôi nhiều cá ngon lành dùng để cung cấp sớm tối. Lại đồ họa tượng vua Diêm-ma đặt để nơi tòa không, cá lương nấu chín, trước hiến dâng tượng. Có người hỏi về nguyên do, Trí Thận nói rằng: “vua Diêm-ma là chủ ngục tối, đui phạt đều do đầu ngọn bút của vua, giả sử như cùng gặp, ngổ hầu được khoan dung tha thứ”. Các đồng bạn chê trách quở răn, nhưng Trí Thận trọn không nghĩ bỏ, về sau cùng mắc bệnh mà chết ngất, bèn thấy vua Diêm-ma bảo rằng: “Đệ tử từ trước trở lại từng được cúng dường, tuy Sư dốc hết ý nồng hậu mà trọn chỉ khiến đệ tử tội lụy càng sâu, mong Sư chớ như thế nữa! Việc giết hại sinh mạng tội nặng chẳng thể cứu chuộc lại được”. Và bảo quan trông coi ngục dẫn đi trông xem các chỗ nhận chịu tội khổ, trông xem rồi có thể đưa Sư trở về lại. Trí Thận đi thẳng đến trước, thấy một thành rất lớn lửa dữ cháy bùng, chưa đến vài trăm thước, sao lửa vụt bay loạn xạ, gần đến nơi chỗ Trí Thận, Trí Thận kinh sợ chẳng chịu tiến tới. vua Diêm-ma mới hỏi: “Sư thấy thế nào?” Trí Thận buồn khóc cầu xin sám hối, mong cầu được tạm thả về để tu công đức. vua Diêm-ma bảo: “Ở phía ngoài ngục còn như vậy, nên nghĩ biết phía trong ngục như thế nào. Tự mình tạo tác, tự mình nhận chịu, lời nói ấy thật không xằng bậy! Từ trước đến giờ mong đội ân, nay lấy đó vì báo đáp!” Trí Thận bèn được sống lại, rất sinh tâm cải hối, sớm tối tinh cần, về sau trở thành vị Tăng

cao hạnh vậy.

6. Sa-môn Oai Chính ở chùa Thái Bình tại Thần Đô thời tiền Đường hại con nhện nhện. (Tân Lục).

Sa-môn Oai Chính, chưa rõ là người thuộc dòng tộc nào, xuất gia từ thuở thiếu thời, chuyên tu tuệ giải, tinh cần nghe học, chưa từng luống qua thời gian, ở chùa Thái Bình tại Thần Đô, thường giảng vài bộ kinh luận Đại thừa, rất có lợi ích rộng lớn. Bỗng nhiên phía trên tường vách ở sau giường, thấy có 1 con nhện nhện, dùng gậy xua đuổi, lầm lầm gậy mất một chân, bảo người đưa đi ném thả nơi khác. Đến ngày hôm sau, Oai Chính cũng trở lại thấy con nhện nhện ấy, lại bảo người mang đến thả ở phía Nam dòng nước. Qua một đêm sau, nhện nhện cũng trở lại, vô tướng mới đưa tay xé bỏ cẳng chân bị gậy ấy và bèn bị nó cắn vào ngón tay, lại bảo người đem đi thả bỏ chỗ xa. Ngày khác, bắt chột nhện nhện trở lại và cắn tay Oai Chính. Mới đầu, vết thương tuy nhỏ mà đau nhức không thể nhẫn chịu, lại bảo người đưa nó đi, từ đó không thấy nó trở lại, vết thương nơi tay Oai Chính về sau dần Tăng lan dần khắp thân thể, nơi thân thể cảm thấy dần sinh ngứa, Oai Chính mới đưa tay gãi cào đó, bèn theo dấu tay mà làm thành vết thương, trong vết thương có tơ của nhện nhện rút ra ngoài vết thương đều dần lớn đến vào ba tấc. Tối sớm khổ đau khó nói khó nhẫn, trải qua thời gian 2 năm, khạt nhỏ tiểu tiện đều có con nhện nhện nhỏ cùng ra, mãi đến nay vẫn chưa lành, tìm hỏi trăm phương trọn chẳng thể chữa trị. Tăng chúng trong chùa luôn luôn nhóm tập vì Oai Chính mà khẩn cầu Phật, liền cảm thấy nhỏ, mới xả thí tất cả của cải y phục đến núi Long Môn tạo lập 15000 tôn tượng, tôn tượng đến nay sắp hoàn thành, vết thương ấy hơi thu gom nhỏ lại, há chẳng phải ương trái xưa trước chỗ chẳng thỉnh cầu đặt để đó ư?

II. GHI VỀ ĂN UỐNG TRÁI PHÁP.

1. Sa-môn Trúc Đàm Du ở núi Thiên Thai thời nhà Tấn, lúc còn trong thai mẹ từng giẫm qua chỗ đất trồng hành kiệu nên bị Thánh giả xua đuổi.

Sa-môn Trúc Đàm Du còn gọi là Pháp du, người xứ Đôn Hoàng. Từ thuở thiếu thời sống theo khổ hạnh hành tập Thiền định, có lắm thần tích diệu ngộ, chưa rảnh nêu bày tường tận. Về sau đến ở núi xích thành, hang núi ấy liền thuộc với núi Thiên Thai, mà sườn núi Thiên Thai cao vợi sức tích. Các bậc kỳ lão xưa trước tương truyền rằng: “Trên đó có tinh xá, là nơi những vị đắc Đạo ở, nhưng có cầu đá gác qua khe

mà đá đâm ngang cắt đứt người. Vả lại, rêu rong xanh phủ trơn nhẵn, từ xưa trước trở lại không người nào được đến đó”. Đàm Du đi đến nơi chỗ cầu đá, nghe giữa không trung có tiếng bảo rằng: “Biết ông rất mực chí thành, nhưng nay chưa được qua, hãy trở về 10 năm sau đến lại đây vậy!” Trong tâm Đàm Du buồn bã, dừng nghỉ lại qua đêm tại đó, nghe có tiếng hành Đạo xướng tát. Thả từ sau muốn tới trước, thấy có 1 người tóc mày bạc trắng hỏi Đàm Du đến đó với việc gì? Đàm Du đem tâm ý mình mà đáp. Người ấy bảo: “Ông ở trong sinh tử, tội lấm thân sao có thể được đi? Tôi là thần ở núi này, nên cùng báo ông biết vậy”. Đàm Du mới lui về dừng ở thời gian ngắn, khiết trai nhiều ngày, nhân lại sang đó, thấy đá đâm mở rộng, cầu đi qua ngắn ít, trông thấy rõ các bậc Thần Tăng và tinh xá, quả đúng như lời đồn đãi. Nhân đó, Đàm Du đốt hương giữa bữa ăn trưa, ăn xong, có vị Thần Tăng bảo rằng: “Nói ông có mùi hơi hành kiệu, nên chưa thể đến ở đây. Hãy trở về 10 năm sau đến lại đây vậy!” Đàm Du nói: “Từ lúc mới sinh trở lại tôi chưa từng biết mùi vị tanh nồng dơ uest hưởng gì là ăn vào miệng mà nói là có mùi hơi ư?” Thần tăng bảo: “Lúc ông ở trong bào thai, mẹ ông từng giẫm trái qua nơi chỗ đất trồng hành kiệu”. Đàm Du hổ thẹn mà thối lui, trông nhìn thấy đá ngâm ngang, bèn trở lại phòng nhà như mới đầu. Về sau, tịch tại núi ấy mà khắp thân thể toàn sắc màu xanh lục.

2. Sa-môn Nan Công ở chùa Tân thời tiền Tống uống rượu bị quở trách. (Rút từ Minh tường ký).

Tương Tiểu Đức người xứ Giang Lăng, tuy mới độ tuổi niên thiếu mà kính tin chí hướng tinh cần vượt qua người. Đến cuối niên hiệu Đại Minh (465) thời tiền Tống, cảm mắc bệnh mà chết, tới canh ba trong đêm sắp tắt liệm, bỗng nhiên sống lại kể rằng:

“Có Sứ giả tự xưng là vua sai chiếu tới gọi bắt, Tiểu Đức bèn theo đi. Đã đến nơi, vua Diêm-ma bảo: “Ông tinh cần dùng tâm nhỏ mà kính phụng đại pháp, được vua Trời Đế Thích chỉ vì ông chuyên chí nên chóng được sinh về cõi tốt lành. Mà tính về tuổi ông thì còn lâu dài, bảo ta đặc biệt với gọi ông vậy. Ngày nay sắp nhận thọ khoái lạc trên cõi trời, nên cùng vì ông mà vui mừng vậy”. Tiểu Đức rất hoan hỷ thưa: “Vâng”. vua Diêm-ma lại bảo: “Ông có thể trở về lại nhà muốn gởi gắm gì và làm mọi việc công đức nhanh chóng, 7 ngày sau lại đây vậy!” Tiểu Đức vâng lời mà trở về, trên đường do đi qua 1 chỗ có một ngôi nhà nhỏ rất hẹp xấu, thấy gặp Sa-môn Nan Công ở chùa Tân ở trong ngôi nhà ấy. Vì trước vốn đã quen biết, nên cùng han hỏi. Nan

Công bảo rằng: “Bần đạo từ lúc xuất gia trở lại chưa từng uống rượu, thả tạm đến nơi phòng Lan Công. Lan Công khổ thấy khuyên ép uống một thăng, khiến ngày nay bị ở trong ngôi nhà hẹp xấu này vậy, 3 năm sau mới được lên trên”. Tiểu Đức trở về nhà muốn nghiệm biết lời nói ấy, ngay đêm đó vội sai người sang hỏi về Nan Công. Quả nhiên ngày đó nằm ngủ nơi phòng Lan Công, đến tối không bệnh mà Nan Công qua đời. Tiểu Đức đã qua trong 7 ngày thiết Đại trai phước cúng dường. Đến kỳ hạn an nhiên mà qua đời. Lan Công và Nan Công 2 Sa-môn ấy đồng ở tại chùa Tân, Nan Công đạo hạnh rất tinh cần.

3. Sa-môn Thích Viên Thông ở chùa Đại Trang Nghiêm tại Nghiệp Hạ thời nhà Tề uống rượu bị Thánh giả ruồng đuổi quả trách.

Sa-môn Thích Viên Thông, không rõ là người thuộc dòng tộc nào, xuất gia từ thuở thiếu thời, nghiên tâm tụng đọc kinh Niết Bàn.

Trong mùa Hạ năm Kiến Đức thứ 4(1), vừa tan buổi giảng, có vị khách Tăng bỗng nhiên lại chùa nường nấu muốn dừng ở mà thể mắc bệnh nặng dữ, mùi hôi thối xông tỏa, chư Tăng không ai ngó ngàn đếm xĩa. Viên Thông mới dẫn khách Tăng ấy đến trong phòng mình, vì lo chăm sóc thuốc thang, tuy có dơ uest, nhưng Viên Thông trọn không khinh sợ. Trong một đêm nọ, Viên Thông đem lại 1 bát “Xuân Tửu” và nói rằng: “Bạn khách đang bệnh hoạn uống rượu này rất tốt?” Vị khách Tăng ấy ngần ngại giây lâu mới vì đó mà nhăn mày uống một ngụm bèn thôi. Đến lúc mãn hạ, cơn bệnh cũng tạm lành, vị khách Tăng ấy bèn tự tạ Viên Thông để đi. Lúc cách biệt, nắm lấy tay Viên Thông, vị khách Tăng ấy răn bảo: “Người tu Đạo chớ khinh thường lúc ở nơi phòng tối, hưởng gì rượu là thứ bất thiện, gốc của mọi việc ác. Pháp sư ngày trước ban tặng, vì sợ tổn thương tâm ý tốt lành mang lại nên uống vậy. Từ nay trở đi, việc ấy xin nên chấm dứt! Tiểu Tăng ở dưới nhà chùa nhỏ cách 5 dặm về phía Bắc của chùa Thạch Quật tại Cổ Sơn, phải đi nhiều quanh khe đầm mà lại tức là chùa Trúc Lâm vậy. Như có duyên nghĩ tưởng thì cùng phỏng hỏi đến đó!” Viên Thông nghe nói chùa Trúc Lâm tức là chỗ ở của các bậc Hiền Thánh, bèn kính tạ lời dạy răn ấy trước, và hẳn sẽ tìm sang thăm đó.

Đến năm sau, Viên Thông sang chùa Thạch Quật an cư kiết hạ, mới cùng vài người mang hương hoa tìm đường mà đi, đến trong hang núi phía Bắc cách chùa khoảng 5 dặm, rồi theo hướng Đông mà ra leo lên trên gò núi, thấy một ông già khăn tay bịt trán cầm bữa khai hoang hơn vài mươi mẫu đất. Ông ta thấy chư Tăng bèn cưỡi phóng trên mình

1 con ngựa mà quát mắng rằng: “Năm trước chùa Quan phóng thả ngựa ăn phá lúa mạ sống, con ta ra ngăn cản giữ gìn lại bị đánh đến chết, nay lại dẫn mặt mũi đến đây ư?” Và kéo bữa lại rượt đuổi, chư Tăng vội rút lui, riêng không được đuổi Viên Thông, mà bảo rằng: “Người can cường cứng mạnh, hẳn bảo hổ đói bắt ăn”. Viên Thông đi ra hướng Đông, tìm theo một khe nhỏ, nghe trên đỉnh núi có tiếng tụng kinh. Viên Thông hỏi chỗ chùa Trúc Lâm, liền ứng tiếng đáp rằng: “Há chẳng là Pháp sư Thông đó ư?” Viên Thông liền biết quả là vị khách Tăng xưa cũ, bèn vạch rừng vượt đường hiểm nguy đi đến chỗ Viên Thông rất mừng vui. Nhân đó bảo cùng đi tới trước vài dặm, bỗng thấy 2 cái cổng cửa cao hiên dài, đường nhiều lối, trúc dài chạm tới mây, từng xanh ngăn che ánh mặt nhật, mới để Viên Thông đứng lại phía tả cửa và bảo là: “Phải bước hỏi ý Hòa thượng!” Chốc lát lại dẫn vào trong giảng đường dưới hàng hiên phía Tây. Hòa thượng ngồi nơi sàng tòa cao, có năm sáu mươi người thị giả, Hòa thượng tuổi khoảng 70, tướng trạng như Phạm Tăng, Viên Thông lễ bái xong rồi đứng yên, mới bảo an đặt dẫn đi lễ bái chung quanh, thấy 2 dãy phòng Tăng mỗi mỗi đều ngồi nơi màn trướng báu giao kết trang sức các thứ ánh ngời sáng lòa cả mặt nhật, bảo cùng vị Tăng ấy đi rằng: “Kẻ kia khách rượt ở đâu dám đến đây vậy?” và đưa tay xua đuổi đi. Viên Thông tỏ vẻ xấu hổ, vị Tăng ấy mới dẫn vào phòng mình và thiết bày thức ăn bữa trưa. Viên Thông nhân đó tỏ bày ý nguyện của mình muốn được ở tại đó cùng quét tước. Vị Tăng ấy bảo: “Cần phải hỏi ý Hòa thượng”. Hòa thượng cố khước từ. Vị Tăng ấy đưa ra đầu cửa, Viên Thông ngoáy nhìn lại luyến mộ rơi lệ tự thương trách tội trước của mình, nắm tay vị Tăng ấy mà giả biệt. Theo hướng Tây đi chừng trăm bước, trông nhìn lại còn thấy cửa cổng nghiêm nhiên, vừa bước từng bước vừa trông nhìn lại. Đi chừng 4 dặm, bỗng nhiên thấy ngọn núi cao vợi, chẳng còn lại chùa vũ, đến nơi chỗ đất khai hoang, trọn không vết tích manh mối, chỉ là một rừng cây Tần.

Các bậc thức giả cho rằng: “Ông già nói: “Năm trước chùa Quang phóng thả ngựa” là chư Tăng như ngựa chỉ nghĩ nhớ đến nước cỏ, chẳng mong cầu Thánh đạo. Và nói “ăn phá lúa mạ sống” tức nói Viên Thông khuyên mời khách Tăng uống rượu, bị hại mầm Đạo, và nói “Con ta ra ngăn cản giữ gìn” là nói khách Tăng mới đầu giữ giới chẳng chịu uống rượu còn nói “bị đánh đến chết” tức nói bị khuyên uống một ngụm mất không biết bao nhiêu Thánh Đạo. Và rượt đuổi chư Tăng tức là riêng để lại dẫn đến người có duyên vậy. Viên Thông chẳng liêu ngộ lời nói ấy, mà chẳng trở lại gia tâm chuyên cần sám hối. Nên bị xua đuổi khiến

bảo đi ra, há chẳng phải ư!

4. Sa-môn Tăng Đạo Viễn ở chùa Tiết tại Lương Châu thời nhà Tề uống ăn yến tiệc bị lông my rơi rụng.

Sa-môn Thích Tăng Đạo Viễn, không biết là người xứ nào, ở chùa Tiết tại Lương Châu. Vì tánh sơ suất đối trá, chẳng tu tế hạnh, ưa thích theo sự uống ăn yến tiệc lấy làm chuyên.

Năm Võ Bình thứ 3 (572) thời Bắc Tề, bỗng nhiên mộng thấy 1 người to lớn nghiêng răng quở trách rằng: “Ông là người xuất gia mặt mắt như thế, vội phóng túng tạo ác, sao chẳng lấy gương để tự soi chiếu xem coi?” Đạo Viễn tỉnh giấc toát mồ hôi, đến sáng sớm vì bồn nước tự ngồi ánh mới thấy bên khước mắt có chấm đen, cho đó là bần dơ bèn có cọ rửa lông my đều rơi rụng. Nhân đó tự hối trách, nghĩ nhớ tội ương ấy, bèn cải cách thường tu tập, thay hình đổi chí, mang mặc y phục thô xấu dấp giầy rách rưới, ngày ăn một bữa trường trai, tuân phụng theo luật nghi, sớm tối thực hành sám hối, chẳng lúc nào lệ không rơi đổ, trải qua hơn một tháng, Đạo Viễn lại cảm mộng thấy người trước kia mỉm cười bảo rằng: “Biết được lỗi qua mà hay cải đổi, đó là người trí vậy! Tha cho người những lầm lỗi trước kia, chớ trở lại tiếp tục”. Đạo Viễn kinh sợ vui mừng mà tỉnh giấc, mồ hôi đổ ướt thân mình, mặt mắt sáng sạch đượm nhuận lại, lông my đều mọc ra. Đạo Viễn từng gióng chuông báo tin biết mọi sự trong 3 đời, dốc hết tánh tình kính phụng pháp, bèn trở thành vị Tăng luyện hạnh vậy.

5. Sa-môn Thích Pháp Tứ ở chùa Nỗa Hưng tại Hà Tây thời nhà Tùy uống rượu say bị vua Diêm-ma khuyên răn.

Sa-môn Thích Pháp Tứ, giới hạnh tuy lắm trái phạm mà thường ôm hoài kính hường sùng chuộng. Vào thời niên thiếu thường cùng cách vài ba đêm uống rượu. Đêm lâu mà tan, chỉ ra nơi cửa, bỗng chốc có 3 người vây bọc trước sau. Pháp Tứ hỏi: “Các người là ai?” Đáp là kẻ sứ của vua Diêm-ma sai đến gọi bắt, và liền kéo dùm lại. Pháp Tứ dốc hết sức lực tranh đấu, bảo rằng: “Tôi có tội gì mà bị bắt bớ?” Vừa lùi vào được trong phòng vin tựa té ngã mà chết ngất. Chư tăng cả chùa kinh ngạc đều lại giữ gìn trông coi. Đến sáng sớm mai, Pháp Tứ sống lại, nhân đó buồn khóc mà tỏ bày những sự thấy biết rằng: “Sang thấy vua Diêm-ma. vua hỏi: “Người tạo tội gì?” Pháp Tứ đáp: “Từ lúc thơ bé vào Đạo, phần nhiều khiếm khuyết giới hạnh, ngoài ra hứa hổ chuộng khinh, chỉ uống rượu là thường thôi”. vua Diêm-ma liền bảo người hai

bên rót rượu đưa cho Pháp Tứ. Các người ấy vội lấy rượu, khi đã mang đến đưa cho Pháp Tứ bát rượu lớn bằng một thưng. Pháp Tứ nhận lấy bưng vào trong tay, bỗng nhiên biến thành nước đồng sôi phùng phục chày cao lên vài trượng. Pháp Tứ kinh sợ ném vất đi mà không thể rời khỏi tay. vua Diêm-ma lại thúc giục bảo uống nhanh. Pháp Tứ gào khóc xin cứu. vua Diêm-ma hỏi: “Lúc bình sinh ông tạo phước gì?” Pháp Tứ đáp: “Thường tụng giới kinh mỗi đêm một biến”, nói vừa xong thì bỗng nhiên bát rượu lìa khỏi tay. vua Diêm-ma bảo: “Giới là gốc hạnh đã tụng thì phải trì, chớ lại nói không thì chỉ tốn phí hơi sức. Sức lực của sự tụng trì cũng có khả năng tiêu trừ lắm tội chướng. Nay thả Sư trở về, nên tự duy mà cải hối, như lại muốn uống rượu thì nên nghĩ nhớ đến nước đồng sôi”. Bèn thấy 1 vị Phạm Tăng dẫn Pháp Tứ cùng đi ra. Về sau, Pháp Tứ lại chẳng tuân theo thâm hối cải, nên lại bị đuổi bắt lần nữa. Từ đó mới cải đổi, bèn được không sao.

6. Sa-môn Thích Huyền Giám ở chùa Thanh Hóa tại Trạch Châu thời tiền Đường phá vỡ vật đựng rượu, các Sa-môn khác bị quỷ khuyên răn.

Sa-môn Thích Huyền Giám, vốn dòng họ Tiêu, người xứ Cao Bình, Trạch Châu, năm 19 tuổi xuất gia quy hướng Đạo Phật. Đối với các thứ rượu thịt thức ăn tanh nồng, tự nhiên chán ghét. Về sau đến ở chùa Thanh Hóa, nương tựa theo Viễn Công, rộng tham cứu các kinh luận, đối với kinh Niết bàn, rất thấu đạt chí thú, mà chánh tánh thuần thẳng thẳng, nói năng và hành động cùng nương nhau. Phàm những lúc thấy gặp uống rượu trái pháp, không lúc nào chẳng phá vỡ vật đựng rượu, nên các hàng sĩ tục tụ tập uống ăn yến tiệc, nghe Huyền Giám đến đều liền vội bỏ tan.

Bấy giờ, chùa Thanh Hóa tu sửa tạo dựng điện Phật, Trưởng Tôn Nghĩa là Quan trưởng ở Trạch Châu rất mến mộ kính tin, nghe số người thầy thợ làm việc ở đó rất đông, mới đưa đến 2 kiệu rượu để ban tặng. Khi đó, Huyền Giám thấy vậy liền phá vỡ tất cả vật đựng rượu tung tóe nơi đất, và bảo: “Công đức của ta chợt có thể chẳng thành, nhưng trọn chẳng dùng vật trái pháp này vậy”. Tôn Nghĩa nghe thế rất tức giận, muốn ngày hôm sau sẽ đến làm hại, đêm đó liền mộng thấy có người nắm dao đi đến, thế rồi bỗng nhiên kinh hãi tỉnh ngộ, bèn liền quy y sám hối. Lại nữa, có một thời gian gặp phải bệnh dịch khí chết người, chẳng chỉ một người đến chỗ Huyền Giám mà sám hối. Huyền Giám khuyên bảo họ dứt bỏ rượu thịt, được bình phục lại số ấy đông nhiều. Có

Lý Thiên là người ở trong làng tánh riêng ham thích uống rượu, nhân cảm mắc bệnh nên đến cầu xin sám hối, bỗng chốc bệnh được lành, từ đó chán ghét vật bỏ hết, từng không nói năng đến, và thường nói cùng các người bạn rằng: “Từ khi gặp được Đại sư Huyền Giám trở lại, với hơi rượu như là thuốc độc, tôi còn chẳng vui thích nghe, huống gì chánh mắt trông thấy”. Với sức giới hạnh thanh tiết của Huyền Giám cảm hóa mọi người đại loại đều như thế.

Thứ nữa, năm Võ Đức thứ 4 (621) thời tiền Đường, Lý Lục sự là Đương Bộ Hộ Trạch huyện qua đời, qua 7 ngày sau lại báo cùng người vợ rằng: “Tôi bị làm quỷ, hồn vân du ở nhân gian, mọi việc chưa rõ ràng thấy đều nhận biết đó. Cùng người giao tiếp nói năng mọi sự, lúc đang sống chỉ vì vật tự ngăn che không hiện được hình tướng ấy, còn lúc làm quỷ. Tôi sang chùa cảnh nghiệp nghe giảng kinh Duy Ma, có các Pháp sư khác có lúc uống rượu nói cùng với quỷ rằng: “Nay giảng kinh này cảm có hạng người nào nghe?” Quỷ đáp: “Từ loài người trở lên tức là có quỷ thần và lên đến cả chư thiên, có nhiều tầng lớp khắp đầy giảng hội. Lúc xướng lời văn thì đều chỉnh trang nghi dung lắng nghe, lúc Pháp sư giải nghĩa thì xoay mặt về hướng khác mà nghe, bởi vì nghe tỏa hơi rượu nên vậy. Như thế nhất định cần nên đoạn tuyệt, nếu chẳng thế thì không nên giảng còn hơn, không chỉ ở pháp hội này, mà hết thấy đều như vậy! Chư Tăng hổ thẹn tự dứt bỏ vậy.

7. Bài văn khuyên dứt bỏ uống rượu ăn thịt của vua Võ Đế (502-550) thời Nam Lương. (Nguyên bản nhiều rộng, ở đây lược bớt)

Đệ tử con Tiêu Diễn kính bạch chư Đại đức v.v...

Phàm, sửa chánh Phật pháp là việc của hàng Hắc y (Sa-môn), chẳng phải sự cần kíp của hàng đệ tử bạch y (cư sĩ), chỉ vì trong kinh giáo Đức Phật cũng có nói “Phật pháp giao phó cho người thế tục”. Do đó, đệ tử không thể chẳng nói. Nay chư Đại đức Tăng Ni nên mở ý nghe nhận, chớ sinh nghi ngờ bít đóng! Phàm người xuất gia sở dĩ khác với hàng ngoại Đạo chánh vì tin nhân tin quả, tin điều trong kinh giải thích rõ ràng, tin đó là do Phật nói. Trong kinh nói: “Người làm 10 nghiệp xấu ác thì phải nhận chịu quả báo xấu ác, người hành trì 10 nghiệp tốt lành thì hưởng thọ quả báo tốt lành. Nay người xuất gia còn ham thích uống rượu, gặm ăn các thứ cá thịt. Đó là hành vi đồng với hàng ngoại Đạo. Hàng ngoại Đạo chấp đoạn kiến thường kiến, không nhân, không quả, không thi vi, không quả báo. Nay đệ tử Phật mà vui thích uống rượu ăn thịt, không sợ tội nhân, không sợ khổ quả, tức là không tin nhân,

không tin quả, và không thi vi không quả báo, thì đâu có gì khác ư? Việc ấy so với hàng ngoại Đạo thì thấy đồng, mà lại có sự chẳng bằng với hàng ngoại Đạo, vì:

Hàng ngoại Đạo mỗi mỗi đều tin theo lời thầy của họ. Thầy bảo là “phải” (thị), đệ tử cũng nói là “phải”. Thầy bảo là “Quấy” (Phi), đệ tử cũng nói là “Quấy”. Trong kinh Niết Bàn, Đức Phật dạy rằng: “Ngày nay cấm chế các đệ tử không được ăn hết thảy các thứ thịt”. Và trong giới luật nói: “Uống rượu tức phạm Ba-dật-đề”. Ma nay chư Tăng Bi uống rượu ăn thịt, việc ấy trái với sự dạy răn của Thầy mình. Đó là điều thứ nhất không sánh bằng hàng ngoại Đạo.

Lại nữa, hàng ngoại Đạo tuy là tà kiến hành trì giới trâu, giới chó, nhưng sau khi đã thọ giới rồi thì trọn không có tái phạm. Nay, người xuất gia đã thọ giới rồi, thì khinh mạn húy phạm. Đó là điều thứ 2 không sánh bằng hàng ngoại Đạo.

Lại nữa, hàng ngoại Đạo tuy là dùng 5 thứ lửa nóng nướng đốt thân, ném vất vào hầm lửa sâu, chưa hẳn là ăn thịt chúng sinh. Nay người xuất gia ăn nuốt các thứ cá thịt. Đó là điều thứ 3 không sánh bằng hàng ngoại Đạo.

Lại nữa, hàng ngoại Đạo dị học tuy chẳng phải lý chánh đáng, song mỗi tự hành tập theo pháp của bậc thầy của họ, không có che giấu. Nay người xuất gia ăn nuốt cá thịt, ở chỗ người thân mới tự cùng chung tỏ sáng, ở chỗ người sơ thì đều ẩn lánh. Hành vi như thế là điều thứ 4 không sánh bằng hàng ngoại Đạo.

Lại nữa, hàng ngoại Đạo mỗi mỗi tự trọng pháp của họ, cho đến bảo là “Tất cả không gì bằng Đạo chân chánh của ta”, đối với người khác, không tỏ vẻ kiên kỵ khiếp sợ. Nay người xuất gia ăn nuốt cá thịt, hoặc tự trốn lánh các bạn đồng học, hoặc trốn lánh đệ tử của mình, hoặc trốn lánh hàng tại gia, hoặc trốn lánh các quan trông coi chùa. Lòng hẹp chí tà, gập ghềnh che giấu. Đó là điều thứ 5 không sánh bằng hàng ngoại Đạo.

Lại nữa, hàng ngoại Đạo thẳng tình thẳng hạnh, có thể nuôi lớn đồ chúng ác của mình, mà không nuôi lớn dị bộ xấu ác. Nay người xuất gia ăn nuốt cá thịt, hoặc cùng với chỗ nghe thấy của hàng đệ tử tại gia mà trong tâm không từng hổ thẹn, mới trang sức tà thuyết, bảo rằng: “Phật giáo là pháp vốn còn ở nhân xa, tại ngay ngày nay chưa đều dứt đoạn hết”. Các hàng tại gia ngu si nghe chư Tăng nói thế cho đó là lời nói chân thật, bèn tin nhận tự tạo các nghiệp bất thiện, tăng rộng thêm các ác. Đó là điều thứ 6 không sánh bằng hàng ngoại Đạo

Lại nữa, hàng ngoại Đạo tuy là trái pháp mà nói là pháp, song mỗi mỗi tự tin theo kinh sách ấy, mãi đến lúc chết vẫn không trái phạm. Nay trong kinh Lăng Già, Đức Phật dạy rằng: “Vì lợi mà giết hại chúng sinh, dùng tài của mà bủa lưới cá thịt, cả 2 nghiệp ấy đều là bất thiện, sau khi chết đọa vào địa ngục kêu gào. Cố sao vì tài của mà bủa lưới cá thịt? Ở trên đất liền thì đặt lưới Ta phù (lưới săn thú), ở nơi dưới nước thì đặt lưới cổ (lưới vớt bột cá). Đó là dùng lưới bủa lưới cá thịt. Nếu ở sự giết hại trong nhân gia chỉ dùng tiền để mua cá thịt, còn đây thì dùng tài của bủa lưới cá thịt. Nếu khiến người ấy chẳng dùng tài của bủa lưới cá thịt, tập hành theo ác luật nghi, bắt hại chúng sinh, người ấy sẽ chuyên tự cung cấp vào miệng mình, cũng lại riêng có chỗ phủng định, nếu riêng có chỗ phủng định, cố ăn nuốt cá thịt, há không phần giết hại, sao được nói là Ta không sát sinh. Đó chính là châm lửa đốt hưng kinh văn. Đó là điều thứ 7 không sánh bằng hàng ngoại Đạo.

Lại nữa, hàng ngoại Đạo đối với người đồng pháp của họ thì hòa hợp, khác pháp của họ thì khổ công sửa trị, khiến thực hành cấm chỉ, không ai chẳng vâng theo. Nay người xuất gia, hoặc làm bậc Sư trưởng, hoặc làm quan trông coi chùa, tự khai mở cấm rượu, ăn nuốt cá thịt, thì lại chẳng thể được thi vi dạy răn, vừa mới muốn mở lời thì người khác liền cười chê châm chích. Thân mình đã có vết bẩn, đã không thể điều phục vật, trái lại bị mài dũa quở trách. Ngay đó chỉ còn, bởi vì người ở tại chùa sai trái, nên người thọ Đạo buông lung. Đó là điều thứ 8 không sánh bằng hàng ngoại Đạo.

Lại nữa, hàng ngoại Đạo nhận sự cúng dâng của người khác thì phải đúng như pháp của mình mà nhận. Người thọ giới chim quạ thì nhận sự cúng dâng của giới chim quạ, người thọ giới nai thì nhận sự cúng dâng của giới nai, người thọ giới chim quạ trọn không che giấu giới mà nhận sự cúng dâng của giới nai. Người thọ giới nai trọn không che giấu giới mà nhận sự cúng dâng của giới chim quạ. Nay người xuất gia bảo rằng: Ta có khả năng tinh tấn, ta có khả năng khổ hạnh”, đồng một lúc che giấu tướng thật lừa dối các hàng tại gia. Đi ra thì uống rượu, mở toan các cửa xấu ác, đi vào thì ăn thịt, nhóm tập lăm gốc khổ. Đó là điều thứ 9 không sánh bằng hàng ngoại Đạo.

Lại nữa, người uống rượu là mùi hôi thối, nước gạo mất tánh chánh thật của gạo, biến thành mùi vị riêng biệt ấy. Chúng sinh vì nhân duyên ác nghiệp nên nhận chịu xúc chạm sự xấu ác ấy. Đó chẳng phải là Đạo pháp chánh chân, cũng chẳng phải là cam lồ mùi vị cao thượng. Làm sao hàng Tăng Ni xuất gia trao truyền ngũ giới cho hàng tại gia,

khiến bảo không được uống rượu, khiến bảo không được nói dối. Cớ sao lật lại tự mình uống rượu, trái phụ lời ước thệ? Giới của 7 chúng, 8 trai giới, 5 thiên 7 tụ. Luật nghi dài ngắn, ở trong khoa nào mà rút ra vấn ấy? Như người tại gia cam chịu thuốc cuồng ấy còn phải quở trách đừng bỏ, cớ sao người xuất gia mà lại tự uống rượu, sa đọa vào địa ngục Ni-la-phù-đà, thân như từng đoạn thịt, không có nhận biết. Đó là người nào mà đều uống rượu? Các hàng Tăng Ni xuất gia, há chẳng thể tin sâu vào kinh giáo, há có thể bên trong chẳng thẹn mà còn mặc áo Như Lai, thọ nhận sự cúng dâng của người kính tin, ở nơi chùa tháp, ngửa mặt đối cùng tôn tượng, nếu như uống rượu ăn thịt thì không thể sánh bằng với người tại gia, vì:

Người tại gia tuy là uống rượu ăn thịt mà không tội phạm giới. Đó là điều thứ nhất không sánh bằng với người tại gia.

Người tại gia tuy là uống rượu ăn thịt, nhưng mỗi tự có phòng nhà hang đôi, trọn chẳng vì thế mà ngưỡng nhìn đối xúc với tôn tượng. Đó là điều thứ 2 không sánh bằng với người tại gia.

Người tại gia tuy là uống rượu ăn thịt nhưng trọn chẳng ỏi nhả tiết lậu nơi chùa nhà. Đó là điều thứ 3 không sánh bằng với người tại gia.

Người tại gia tuy là uống rượu ăn thịt mà không có hiềm trách đổ kỵ. Người xuất gia nếu uống rượu ăn thịt tức khiến người khinh tiệt Phật pháp. Đó là điều thứ 4 không sánh bằng với người tại gia.

Người tại gia tuy là uống rượu ăn thịt thì cửa nhà giếng bếp mỗi đều an đặt quý ở đó. Người xuất gia nếu uống rượu ăn thịt thì hơi thối xông khắp, tất cả thiên thần quỷ đều lánh xa, tất cả ma quỷ đều cùng vui mừng. Đó là điều thứ 5 không sánh bằng với người tại gia.

Người tại gia tuy là uống rượu ăn thịt, song họ chỉ tự phá tài sản của mình, không phá tài sản người khác. Người xuất gia nếu uống rượu ăn thịt, tự phá thiện pháp nơi chính mình lại phá ruộng phước của người khác. Đó là điều thứ 6 không sánh bằng với người tại gia.

Người tại gia tuy là uống rượu ăn thịt đều là do tự sức lực của chính mình tạo tác ra. Người xuất gia nếu uống rượu ăn thịt đều do sự kính tin mà dâng cúng của người khác. Đó là điều thứ 7 không sánh bằng với người tại gia.

Người tại gia tuy là uống rượu ăn thịt là tội nghiệp thường, không việc gì khác. Người xuất gia nếu uống rượu ăn thịt thì các ma ngoại Đạo mỗi một đều được tiện lợi. Đó là điều thứ 8 không sánh bằng với người tại gia.

Người tại gia tuy là uống rượu ăn thịt vẫn còn cúng dường mất

sự nghiệp ở đời, trừ hạng người quá đam mê mờ tối tức là không được. Người xuất gia nếu uống rượu ăn thịt hoặc nhiều hoặc ít thấy đều đoạn mất giống Phật Đó là điều thứ 9 không sánh bằng với người tại gia.

Lại nữa, ăn thịt đoạn mất hạt giống đại từ. Phàm người có tâm đại từ hay khiến chúng sinh đồng được an lạc. Nếu người ăn thịt thì với tất cả chúng sinh đều là oán đối, đều chẳng an lạc. Nếu người ăn thịt tức là xa lìa các pháp của hành Thanh văn, Bích Chi Phật, xa lìa các pháp của Bồ-tát, Phật quả, xa lìa các pháp Bồ-đề, Niết bàn. Nếu người ăn thịt tức là chướng ngại sinh lên cõi trời lục dục, hưởng gì đối với các pháp Tứ thiên tứ không, 37 phẩm trợ đạo, 6 Ba-la-mật. Cũng là chướng ngại 4 hoàng thệ nguyện, 4 món nhiếp pháp tất cả các môn tam muội, ngũ nhãn, thập lực, cho đến Vô thượng Bồ-đề. Tại sao? Vì nếu người ăn thịt tức là chướng ngại tâm Bồ-đề, không có pháp Bồ-tát, không có 4 vô lượng tâm, không có Đại từ Đại bi. Vì nhân duyên đó nên Phật tử không tiếp tục. Do đó, tụng kinh Phật dạy: “Người ăn thịt tức đoạn mất hạt giống Đại từ”. Các người xuất gia tuy là không thể thực hành Đại từ Đại bi, rốt ráo hạnh Bồ-tát, thành tựu Vô thượng Bồ-đề, cớ sao chẳng thể nhẫn chịu các thứ tanh hôi ấy mà tu Đạo Nhị thừa? Đến như các loài chó sói, dã can đều biết ham thích ăn thịt. Con người có sự nhận biết ưu tối hơn hẳn tất cả các loài chúng sinh, cớ sao lại đồng với những loài vật ấy cam chịu dơ bẩn như thế? Như nói ở trước, đó đều là việc đáng xa lìa, chưa là thân gần cần thiết.

Chư Đại đức Tăng Ni! Nếu người ăn thịt chúng sinh tức làm việc ma, là hạt giống địa ngục, là Ấn Độ khiếp sợ đứt đoạn mạng đốt nấu, là cắt xé da thịt, chặt đứt tay chân, phá bụng mổ ruột, nát tủy móc mắt, nghèo hèn hạ tiện, lạnh đói xấu xí, điếc đui câm ngọng, tay chân què quặt, ung nhọt, tất cả các thứ bệnh khổ đều nhân đó mà hoành hành. Cho đến dây đen, kêu gào, lạnh nóng, A-tỳ, quỷ đói, súc sinh, vô lượng cực khổ, đều là do nghiệp sát sinh mà nhận chịu quả báo như thế.

Lại phải nên tư duy một việc lớn. Nếu như ăn thịt cha mẹ của chúng sinh, thì chúng sinh cũng báo ăn thịt cha mẹ kẻ đó. Nếu như ăn thịt con của chúng sinh thì chúng sinh cũng báo ăn thịt con kẻ đó. Oán đối cùng báo ăn thịt như thế, trải kiếp đê mê dài không có cùng tận! Như trong kinh nói: “Có 1 người nữ suốt 500 kiếp hại con chó sói con, con chó sói con cũng suốt 500 kiếp hại con người nữ ấy. Lại có 1 người nữ suốt 500 đời đoạt đứt mạng căn của quý. Quý ấy cũng suốt 500 kiếp đoạn đứt mạng căn người nữ ấy”. Kinh nói như thế, không thể không tin. Ngoài ra các thứ tướng báo chuẩn cứ theo thể lệ có thể biết.

Lại có 1 Đại sự cần phải nên tin nhận là từ vô thủy trở lại cho đến đời nay, trải qua trong 6 đường, nhận chịu đủ thứ quả báo, hết thấy thân duyên cùng tất cả chỗ. Chỉ vì trải qua có lắm bận sinh tử, thần minh cách trở chướng ngại nên các hàng quyến thuộc không còn nhận biết với nhau. Chúng sinh ngày nay hoặc đã từng trải qua làm cha làm mẹ thầy bạn anh em chị em con cháu bè bạn, mà ngày nay vì không có sức lực Đạo nhân nên không thể phân biệt mà trở lại cùng ăn thịt nhau chẳng tự nhận biết. Lúc ăn thịt thì vật ấy có tánh linh tức khởi sinh phần hận trở lại thành oán đối. Từ trước là rất mực thân gần mà nay trở lại thành rất mực thù oán. Những sự như thế há chẳng tư duy ư? Tạm tranh nhau chút ít mùi vị trong thời gian ngắn qua đầu môi lưỡi, mà trọn cùng những kẻ thân thích xưa trước trở thành oán đối dài lâu. Rất đáng đau lòng, khó bày nói hết!

Lại, cũng phải tư duy thêm một việc nữa. Phàm là ăn thịt chúng sinh là oan gia của hết thấy chúng sinh như thế, oan gia khắp cùng cả 6 đường, như muốn tu hành đều là chướng nạn. 1 là chướng về Lý và 2 là chướng về Sự. Thế nào là chướng về Lý? Vì nghiệp nhân duyên tự sinh chướng nạn, khiến hành nhân ấy ngu si không trí tuệ, không biết pháp xuất yếu, không có phương tiện. Giả sử như gặp được Thiện tri thức cũng không thể tin nhận. Giả sử như có tin nhận cũng không thể tập hành! Còn chướng về Sự là như các oán đối ấy, hoặc tại trong ác quỷ thú độc, hoặc tại trong thần rồng trời ma. Các chốn như thế đến làm lưu nạn. Giả sử như gặp được bạn lành, tâm tin nhận sâu, vừa muốn tu hành liền có nạn khởi, hoặc dẫn vào đường tà, hoặc nhiều nỗi khiến loạn tâm. Tu giới định Tuệ, tu các Đồng cư, thường chẳng thanh tịnh, thường chẳng đầy đủ, đều do oán thù xưa trước khởi nên đối chướng. Những sự như thế lại nên tư duy sâu sắc.

Đệ tử Tiêu Diễm con lại kính bạch chư Đại đức Tăng Ni! Đệ tử Tiêu Diễm con đối trước mười phương chư Phật tôn pháp chúng Tăng cùng chư Đại đức Tăng Ni đều tỏ bày ước thệ! Ngày nay tập hội này là Đại sự nhân duyên, chẳng ngại hết thấy chư Phật ở tại đây, hết thấy tôn pháp, chúng Tăng ở tại đây. Các trời hộ đời, 4 vua Kim Long mật tích, Ma-hê-thủ-la, Tán chỉ Đại tướng, mười phương hết thấy 8 bộ rồng thần, có thần tức lớn đều ứng tại đây, bên cạnh hay ẩn hình giữa không trung, u hiển như thế, không ai chẳng xét xem quán sát. Người xưa có nói rằng: “Khó của không biết”, đó lại thực hành vậy. Đệ tử Tiêu Diễm con ngày nay phải phát thệ nguyện trước để rõ bản tâm, từ nay trở đi cho đến ngày ngồi nơi Đạo tràng giác ngộ, nếu phóng túng uống rượu,

khởi sinh các thứ dâm dật, khi cuống vọng ngữ ăn thịt chúng sinh, cho đến uống các thứ sữa mật và cả Tô Lạc (ván sữa) thì nguyện xin hết thấy quỷ thần trước phải khổ trị thân Tiêu Diễm con, sau đó mới đem giao phó cho vua Diêm-ma ở chốn địa ngục. Phải nhận chịu các thứ tội khổ, cho đến khi tất cả chúng sinh đều thành Phật hết, mà đệ tử Tiêu Diễm con vẫn còn ở tại trong địa ngục, A-tỳ. Trong hàng Tăng Ni nếu có người uống rượu ăn thịt mà chẳng sám hối lỗi quá, thì hết thấy các vị quỷ thần có sức lực lớn cũng nên trị hỏi như thế để khiến tăng thêm rộng lớn các thiện pháp làm thanh tịnh Phật quả. Nếu chưa bị sự tra hỏi trừng trị của U-ty, hiện còn sống ở đời, thì đệ tử Tiêu Diễm con sẽ như pháp mà trị hỏi, đuổi buộc hoàn tục, tùy lúc mà sai sử.

Đệ tử Tiêu Diễm con lại kính bạch chư Đại đức Tăng Ni! Từ trước đến đây con đã trình bày thô thiển về cá thịt chướng lụy chuốc đến quả khổ. Nay đây lại muốn kính bạch chung một lời: “Ở trong cõi Diêm Phù Đề thọ mạng tuy nói 120 năm”, nhưng ở trong nhân gian ít nghe có hạng người ấy, mà phần nhiều biến đổi lưu lạc không ngưng nghỉ ở thời sớm trẻ. Trong kinh nói rằng: “Trong khoảng 1 niệmcó 60 sát-na, sinh tử vô thường tạm có các căn, bỗng nhiên suy diệt, các khổ trong tam đồ vụt chốc liền đến. Muốn xa lìa địa ngục, việc ấy rất khó, những bậc oai đức thanh tịnh còn sợ khó tránh khỏi, huống hồ hạng người hủ phạm sao thoát miễn ư? Chư Đại đức Tăng Ni nên biết việc này. Phàm là ăn cá thịt là cảnh giới của ma, làm việc ma làm, tâm không quyết định, phần nhiều có lưu nạn. Trong ngoài các ma cùng nhau nhiễu loạn. Do đó, hành giả cần phải tư duy nghĩ nhớ cá thịt rượu là nước sữa của ma, nên không được đời nói. Phàm người ăn cá thịt ham thích uống rượu thì các thiện thần xa lạnh, bên trong không có chánh khí. Hạng người như thế phần nhiều là suy não. Nếu người có tâm quyết định chỉ ăn dùng rau quả khổ tiết, tức un đúc tâm đại bi. Hàng người như thế phần nhiều là sức Thánh thiện, với sự hộ trì chánh pháp. Có lắm khả năng kham nhận. Chư Đại đức! Kể từ ngày nay trở đi nên khéo cùng mở dẫn, khiến người chưa đạt từ nay trở đi đều đạt. Nếu đã nhóm tập hạnh nguyện thì bền bỉ chí lực. Như chưa từng có hạnh nguyện thì đều cải đổi. Ngày nay cùng nhau đồng làm chủng tử Bồ-đề, chớ nên quái lạ mọi điều tỏ bày kính bạch từ trước tới đây của đệ tử Tiêu Diễm con vậy!”

Khi ấy 1448 Tăng Ni nhóm tập tại trước điện Hoa Lâm. Khuyển thỉnh Pháp sư Vân ở chùa Quang Trạch lên pháp tòa giảng 1 phần trong phần của phẩm “Tứ Tướng” trong kinh Niết Bàn, trình bày về nghĩa ăn thịt đoạn dứt hạt giống Đại từ. vua Võ Đế tự thân ngồi giữa đất ở phía

Bắc cao tòa.

Sau đó, lại nhóm tập các hàng Tăng Ni nghĩa học gồm 200 vị đến điện Hoa Quang, khuyến thỉnh các Sa-môn luật học lên tòa cao. vua Võ Đế bày trải nơi đất mà ngồi, chế chỉ mà hỏi rằng: “Nay nhóm tập Đại chúng vì muốn tìm cầu hiểu nghĩa trong luật. Đệ tử nghe chư Tăng nói trong luật không có pháp dứt bỏ ăn thịt, lại cũng không có pháp sám hối về tội ăn thịt. Chư vị Luật sư từ trước trở lại làm thế nào để mở dẫn, khiến người hiểu suốt có điều nghi ấy?” Luật sư Pháp Siêu kính đáp rằng: “Giáo chỉ là 1 mà người thọ nhận bất đồng. Luật tuy hứa cho ăn dùng ba thứ Tịnh nhục, nhưng ý muốn vĩnh viễn dứt bỏ. Cớ sao biết vậy? Vì trước nói rõ dứt bỏ 10 thứ bất tịnh, tiếp đến hứa cho ăn ba thứ tịnh nhục và sau cùng lại hứa cho ăn 9 thứ tịnh nhục, tiệm chế như thế tức là ý muốn vĩnh viễn dứt bỏ”. vua lại hỏi Sa-môn Tăng Biện. Ngài Tăng Biện đáp rằng: “Chỉ vì giáo có cạn sâu, theo tầng cấp mà dẫn vật, lý đúng là lỗi quá, chỉ bởi giáo chưa rốt cùng”. vua lại hỏi: “Người ăn thịt là có tâm từ bi hay không tâm từ bi?”. Ngài Tăng Biện đáp: “Chẳng có tâm từ bi”. vua lại hỏi: “Luật giáo muốn khiến người vượt ra khỏi chẳng?”. Ngài Tăng Biện đáp: “Muốn khiến người vượt ra khỏi”. vua lại hỏi: “Ăn thịt có vượt ra khỏi được chẳng?”. Ngài Tăng Biện đáp: “Không được”. vua lại hỏi Luật sư Bảo Độ: “Ý Luật sư thế nào?” ngài Bảo Độ đáp: “Theo sự hiểu biết ngu cạn của tôi thì chỉ là Tiệm giáo. Do đó trong luật vẫn hứa cho ăn thứ Tịnh Nhục. Còn trong kinh Niết Bàn thì rất ráo không hứa cho ăn thịt. Nếu là hàng lợi căn đối với ba thứ tịnh nhục, chỉ dạy tức được chẳng ăn. Còn hàng Độn căn mới phải đợi chỉ bày lại sau”. vua lại hỏi Tỳ-kheo Pháp Sùng: “Theo như ông thì chúng Tăng cớ sao có nên ăn thịt chẳng?”. Ngài Pháp Sùng đáp: “Không nên ăn thịt, chỉ vì ăn thịt thì dục tình càng sâu”. vua lại hỏi: “Thế nào là sám hối?”. Ngài Pháp Sùng đáp: “Khẩn thiết xót xa chí tâm tức là sám hối”. vua lại hỏi: “Sám hối xong có ăn chẳng?”. Ngài Pháp Sùng đáp: “Do vì vô minh nên phần nhiều hoặc cũng chẳng khỏi”. vua lại hỏi: “Trước nói sám hối, mà lại còn ăn thịt, như vậy tức là biết mà cố phạm, chẳng thể gọi là hổ thẹn. Nếu như lúc trước không biết hoặc là lầm lỗi, sau mới sinh khởi tự thẹn, ấy mới gọi là hổ thẹn. Lại hổ thẹn chẳng được trái phạm lại, như đây trái phạm lại thì tội ấy càng lớn”. vua cùng chư vị Đại đức qua lại vài phen đều chẳng thể giải đáp. vua lại ban sắc Sa-môn Cảnh Du lên tòa cao tụng các kinh Lăng Già, Ương-quật-ma-la, Niết Bàn v.v... nói rõ về nghĩa dứt bỏ ăn thịt, xướng đọc kinh văn xong, thiết hội hoàn tất bèn tan bãi.

Chiều hôm đó; vua Võ Đế bảo cùng Hữu Vệ Suất Chu xả rằng: “Như điều nói của Sa-môn Pháp Sùng, hổ thẹn mà lại ăn thịt chúng sinh. Đó chính trong kinh nói rõ về nữ La-sát rằng: “Vì ta thương nhớ người nên ta ăn thịt người”. Tâm mà Sa-môn Pháp Sùng nói đó tức là La-sát nói ở trong kinh vậy”. vua lại bảo Chu Xả rằng: “Điều nói của Sa-môn Tăng Biện là tự thịt đã chết. Nếu nói như thế thì các con vật như cú tai mèo, chim quạ khoang, chim tu hú, chim bồ câu, tại chỗ nó ở không con nào chẳng chết mà lại chẳng thấy có 1 con tự chết? Và các loài chươg, nai, chim trĩ, thỏ khắp đây đồng hoang đầm nước, cũng chẳng từng thấy có 1 con tự chết. Mà muốn tìm thấy thịt chết chỉ đến nơi nhà mổ giết, tìm thấy cá chết hẳn đến nơi mành lưới vớt bắt. Trong kinh nói: “Mua thịt và tự giết hại, tội ấy ngang bằng nhau”. Ta vốn chẳng tự làm, chánh vì chư Tăng Ni làm nhân duyên xa lia tội!” vua lại bảo cùng Chu Xả rằng: “Sở dĩ không được giết hại chúng sinh vì phạm nơi một chúng sinh có đủ tám vạn Hộ trùng, như trong kinh cũng có 80 ức vạn Hộ trùng. Nếu dứt đoạn sinh mạng của một chúng sinh tức là dứt đoạn mạng sống của tám vạn Hộ trùng. Chúng sinh tự chết lại cũng không được ăn thịt nó, vì trùng loại nươg gá trước tuy đã diệt mất mà trùng nươg gá sau số ấy càng đông hơn nhiều. Hoặc nấu hoặc nươg thì số trùng loại nươg gà sau đều không còn mạng sống. Chỉ lợi đầu chop lưới chút ít mùi vị mà hại vô lượng chúng sinh. Trong đó, loại nhỏ thì mất thịt không thể nhìn thấy, loại lớn nếu đốt lửa thì có thể trông nhìn thấy. Diệt mất tâm từ bi, tăng trưởng độc ác. Đó thật chẳng phải việc đáng nên làm của hàng Sa-môn Thích Tử”.

Vua đã bảo cùng Chu Xả rằng: “Chúng Tăng ăn thịt đã phạm tánh tội, lại tổn thương giới luật. Vì đó nên nói có 2 trọng tội. Nếu là chúng Tăng học vấn mà ăn thịt, đó là nghiệp ác lại gấp bội hơn trước. Sở dĩ như vậy là vì đã thân gần trái với kinh giáo, lại vì người khác mà giảng nói. Miệng xưng là từ bi mà tâm nghĩ nhớ độc hại. Phải quấy (thị phi) chẳng biết, biết mà lại cố phạm, nói năng và hành động trái nhau, tức thành lừa dối. Luận về học vấn ăn thịt tức tội có 3 thứ. Sở dĩ quý ở giải nghĩa chánh vì như thuyết mà tu hành, trái lại ăn nuốt cá thịt, xâm chiếm tàn khốc đối với sinh loại, tạo ác tri thức, khởi sinh lăm oán đối, đọa vào địa ngục nhanh như khoang dáo. Phạm là người xuất gia thật nên phải tư duy sâu sắc!”

Vua lại bảo cùng Chu Xả rằng: “Hàng Thanh văn thọ giới luật nghi, vốn Chế Thân miệng 7 chi phần, một khi đã thọ từ đó về sau cho đến cả trong ngủ nghỉ mê say v.v... Luật nghi vẫn thường sinh được luật

nghe chưa từng được. Sở dĩ như vậy là vì những lúc ngủ nghỉ v.v... chẳng khởi tâm ác nên không tổn không mất, cho đến thường sinh. Nếu khởi tâm muốn giết hại, đối với trong pháp Thanh văn tuy chẳng mất giới của thân và miệng, mà đối với giới có sự hao tổn, chẳng chỉ hao tổn giới không giết hại, cũng gồm dơ bẩn các giới khác, đến như tay gấp răng nhai động nghiệp thân miệng thì mất giới thân miệng. Khi ấy luật nghi vô tác liền gián đoạn chẳng tương tục. Đã mất giới không giết hại, cũng còn dơ bẩn đến các giới khác. Sở dĩ như vậy là vì như người Chiên-đà-la làm nghề mổ thịt lúc ấy vì những người nào mà giết? Chánh vì người ăn thịt. Nếu là người ăn thịt tức có phần giết hại. Ở nơi giới không giết hại tức thành có khiếm khuyết. Nếu cho là ở thiện luật nghi nhận chịu phần giết hại, ở nơi giới không giết hại không có khiếm khuyết, thì là người thọ bất thiện luật nghi trì 8 trai giới, là ác luật nghi còn nên tương tục. Nếu người thọ ác luật nghi trì 8 trai giới, ác luật nghi chẳng lại tương tục, là biết người thọ thiện luật nghi nhận chịu phần giết hại, là giới không giết hại tức liền khiếm khuyết, giới Biệt giải thoát chẳng còn lại giải thoát. Người thọ ác luật nghi không luận là trì 8 trai giới, chỉ khởi 1 tâm niệm thiện thì ác luật nghi liền dứt đoạn. Nếu 1 niệm chẳng dứt đoạn, thì lăm niệm cũng nên không dứt đoạn. Nếu lăm niệm chẳng dứt đoạn, thì lăm niệm cũng nên không dứt đoạn. Nếu lăm niệm dứt đoạn là biết lúc 1 niệm dứt đoạn. Người thọ thiện luật nghi, việc ấy cũng vậy, không luận nhận chịu các phần giết hại, có ít phần giết hại, luật nghi không giết hại tức thời cũng dứt đoạn. Người Bồ-tát trì tâm giới nên biết, không có lý ăn thịt chúng sinh, nếu không khiếm khuyết giới Thanh văn, trọn chẳng khởi tội địa ngục v.v...

III. GHI VỀ KEO KIỆT BỐT XÉN VẬT CỦA CHÚNG TĂNG.

1. Thánh giả Tăng-già-da-xá ở Tây Vực tuần du thấy chư Tăng nhận chịu khổ. (Rút từ phú pháp tạng truyện).

Sau khi Đức Như Lai diệt độ khoảng vài trăm năm, có 1 Thánh giả đi hoằng truyền giáo pháp tên là Tăng-già-da-xá, từng đến bên bờ biển thấy 1 trụ xứ, nhà gác trang sức nghiêm lệ mọi thứ kỳ diệu, chúng Tăng ở đông nhiều trong đó, kinh hành thiền niệm, ban ngày giống chuông bèn nhóm tập tại trai đường, ăn xong thì các thức ăn ngon lành bỗng biến thành máu huyết tanh nồng, bình bát cùng đánh vào đầu mắt mà vỡ nát, máu dơ chảy tràn thân thể và y phục, mà nói lời rằng: “Cơ sở tham tiếc ăn uống khiến nay phải nhận chịu khổ này ư?” Thánh giả

đi tới trước mà hỏi. Chư Tăng ấy đáp rằng: “Trưởng lão, chúng tôi ở đời trước ở thời Đức Phật Ca-diếp, bấy giờ đồng ở 1 chùa, thấy có vị khách Tăng đến, tâm sinh phần hận, cất giấu tham tiệc ăn uống, chẳng chịu phân phát cho cùng. Do sự keo kiệt tham tiệc ấy nên nay nhận chịu khổ này”. Thánh giả nghe thế sinh tâm khiếp sợ, quán sát như thế bỗng chốc chứng đắc Thánh quả.

2. Sa-môn Thích Pháp Phong, bớt xin thức ăn của chúng Tăng sau khi qua đời làm thân quỷ đói. (Rút từ Trưng Nghiệm truyện).

Sa-môn Thích Pháp Phong, dòng họ Trúc, người xứ Đông Hoàng. Về sau sang đến nước Quy Tư tu sửa tạo dựng 1 ngôi chùa, mọi công việc hoàn tất, bấy giờ nhân xưng gọi đó là chùa Pháp Phong. Vì đã trải qua thời gian lâu dài chuyên đảm nhiệm việc chùa nên hỏi ỷ lại công sức mình, Pháp Phong rút trong lấy cho rất trái với châm chước, liền giảm bớt thức ăn của chúng Tăng, khiến không được chu toàn đầy đủ. Lâu sau qua đời, Pháp Phong đọa trong loài quỷ đói, thường ở nơi chùa viện đến lúc đầu đêm cuối đêm làm tiếng lạch đà đói kêu réo, tuần rảo các phòng nghe vang tiếng. Có đệ tử là Sa-môn Bảo Tuệ nghe mà than rằng: “Đó thật là tiếng của Thầy ta!” Nhân hỏi cơ sao vậy? Pháp Phong đáp rằng: “Do vì giảm bớt thức ăn của chúng Tăng nên nay nhận chịu khổ của quỷ đói. Sự khổ sở quá lắm khó kham nhẫn nổi! Nguyên xin được cứu giúp”. Các đệ tử vì đó mà thiết trai sám hối, Pháp Phong được sinh về cõi thanh tịnh ưu thắng v.v...

3. Sa-môn Thích Huệ Quả ở chùa Ngõa Quang tại kinh đô thời tiền Tống đến nhà xí thấy quỷ xin cầu cứu.

Sa-môn Thích Huệ Quả, người xứ Dự Châu, từ thuở thiếu thời chuyên ăn rau quả thuần tố, trì tụng kinh Pháp Hoa. Từng đi đến nhà xí, trên nhà xí thấy có 1 con quỷ rất mực chí kính đến nói với Huệ Quả rằng: “Thân trước của con xuất gia làm Duy-na, vì xúc phạm đờ bần nơi tịnh trụ nên bị đọa trong loài quỷ, thường ăn phần uế. Pháp sư đức hạnh trình thuần cao minh từ bi cứu giúp, nguyện xin vì chỉ bày phương thức để diệt trừ khổ!” Và, quỷ lại nói: “Xưa kia con ở nơi chùa này đi thẳng theo hướng Đông đến phòng thứ 3, trước sân có 1 cây thị, bấy giờ con có chôn giấu 3000 quan tiền tại dưới cây ấy, xin hãy lấy đó để làm phước”. Nói xong bèn ẩn mất. Huệ Quả bảo cùng chúng Tăng đào bới, quả nhiên có được tiền, vì tạo kinh Pháp Hoa và thiết trai cúng dường. Sau đó, Huệ Quả lại mộng thấy con quỷ ấy báo là được sinh lên cõi trời.

Tăng chúng nghe thế, không ai chẳng tự răn sợ.

4. Sa-môn Hoằng Minh ở chùa Bách Lâm tại Vĩnh Hưng thời nhà Tề thấy 1 trẻ nhỏ xin cầu cứu. (Rút từ Cao Tăng truyện).

Sa-môn Thích Hoằng Minh vốn dòng họ Doanh, người xứ Sơn Âm, Cối kê. Xuất gia từ thuở thiếu thời, rất trinh khổ, có giới tiết, chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa hành tập thiền định. Hoằng Minh từng đến chùa Vân Môn, thấy 1 trẻ nhỏ lại nghe mình tụng kinh, nhân đó, Hoằng Minh hỏi: “Người là ai? Trẻ nhỏ ấy đáp: “Xưa kia con làm Sa-di ở trong chùa này, vì lén trộm các thức ăn uống của chúng Tăng nên nay bị đọa ở trong nhà xí. Xin nguyện trợ giúp phương tiện cho con thoát khỏi khổ ấy!” Hoằng Minh liền vì nói pháp khuyển hóa, nhận hiểu rồi trẻ nhỏ ất mới ẩn mất.

5. Sa-môn Thích Tuệ Mân ở chùa Sách tại Ích Châu thời Bắc Chu lén trộm vật của chúng Tăng bị đọa làm thân trâu.

Sa-môn Thích Tuệ Mân, dòng họ Cố, xuất gia từ thuở thiếu thời, chẳng tu hạnh nghiệp, khéo giỏi tạo dựng buôn bán, thường ở nơi nhà tù nhà kho của Tăng chúng, riêng tự ăn dùng, trông coi của cải vật tiền của chúng Tăng, bèn dùng phương tiện trộm cắp. Về sau, mắc bệnh mà qua đời, thân thức bèn gá trong bụng trâu, sau khi sinh ra, hình dung sạch đẹp, móng chân và sừng tròn đẹp, chúng Tăng thấy rất mến thương riêng gia tâm nuôi dưỡng. Đến thời gian sau, nhân giá xe chở trúc sắp muốn lên sườn núi. Trâu ấy dùng hết sức lực cố kéo khốn khổ mà chưa lên tới, bèn 2 đầu gối quy ngã nơi đất, khuỷu chân lỗ mũi chảy đều đổ máu. Bấy giờ có Sa-môn Song Nam ở Miên Châu chẳng lường biết là người xứ nào, đến Ích Châu, nhân trên đường đi thấy thế, mới thở than rằng: “Người đây vậy!” và đưa tay xoa vuốt sừng trâu, hỏi han với trâu rằng: “Sao tự như Mân Công đền trả khổ nhọc vậy?” Khi đó, trâu tuôn đổ nước mắt như mưa, chúng Tăng thấy thế không ai chẳng xót thương, bèn báo cho đệ tử của Tuệ Mân cùng chuộc lại đó. Trâu bỏ ăn vài ngày, sau đó bèn chết.

6. Vị Thiên sư nhân lấy ít rau quả của chúng Tăng sau khi qua đời làm đũa ở trong chúng. (Rút từ Quốc Thanh tự Bách Lục, và phụ: Sa-môn Tăng Chiếu).

Thiên sư Trí Giả ở núi Thiên Thai răn bảo cùng vị Tri Sự rằng: “Xưa kia, có 1 ngôi chùa nọ, thầy trò đông cả trăm vị, ngày đêm thiền

tụng, đúng như thời khóa không phế bỏ. Có 1 tịnh nhân (cư sĩ) lên trộm nghe giảng pháp, bèn buộc niệm chuyên tập, bỗng nhiên ngồi xồm trước bếp. Lặng lẽ mà nhập định, nên lửa tắt nước lạnh. Vì Duy-na sợ bỏ sót bữa ăn của chúng Tăng, nên đến thưa cùng Thượng tọa. Vị Thượng tọa bảo: “Đó là sự ưu thắng, chúng Tăng nên nhẫn chịu, cần trọng chớ kinh xúc khiến nghe người ấy sẽ tự dậy”. Vài ngày sau, vị Tịnh nhân ấy mới tỉnh lại, đến trước Thượng tọa trình bày sở chứng của mình, tuân tự pháp dần sâu. Thượng tọa bảo dừng, mà nói rằng: “Với điều nói của người đều là cảnh giới của ta, mà nay điều nói ấy chẳng phải sự ta biết vậy. Người chớ nói lại nữa!” Nhân đó trông nhìn và Thượng tọa hỏi rằng: “Người có biết được túc mạng chăng?” Người tịnh nhân ấy đáp: “Có biết sơ sài”. Thượng tọa lại hỏi: “Bởi tội gì mà làm kẻ hèn kém? Bởi phước gì mà dễ tỏ ngộ?” Tịnh nhân ấy đáp: “Sở dĩ làm thân hèn kém là vì lúc đời trước là làm Thầy của Thầy trò lão ngày nay. Sở học của Đồ chúng ngày nay đều là sự dạy bảo ngày xưa của con vậy. Thời bấy giờ con có lắm khách riêng nhưng thường tự ước chế không dám xâm phạm vật của chúng Tăng, bỗng nhiên có khách đến gấp nên liền lấy dùng một ít rau quả của chúng Tăng mà quên bồi thường lại. Do thế mà bị khiển trách. Ngày nay làm đũa ở trong chúng Tăng, vì sự tập học trước chưa bao lâu có tạm tu nên dễ tỏ ngộ. Tội phước của Túc Mạng việc ấy như vậy!” Đại chúng mọi người nghe thế buồn hờn không ngăn cản nổi!”

Thiền sư Trí Giả lại bảo: “Tôi có người bạn đồng học là Thiền sư Tăng chiếu, ở trong chúng Nam Nhạc, khổ hạnh thiền định rất đạt được nhất, tạm dùng của chúng Tăng 1 năm muối để tự làm thức ăn chay tịnh, với xâm phạm ấy không bao nhiêu chẳng lấy làm thành việc quan trọng. Về sau, Tăng chiếu lại hành trì phương Đẳng, bỗng nhiên thấy tướng năm muối hiện khởi. Tính ra chỉ mới 3 năm mà Tăng lớn đến vài mươi học, gấp khiến bồi thường đầy đủ, Tăng chiếu mới bán tất cả của cải y phục, mua muối đền trả chúng Tăng. Việc ấy không xa, và cũng chẳng truyền rộng ra. Nên lấy đó làm khuôn phép, chớ để về sau phải hối hận ăn năn.

7. Sa-môn Đạo Minh ở Tương Châu thời nhà Tùy xâm lạm củi của chúng tăng nên bị đốt chân. (Rút từ u nhân ký).

Sa-môn Thích Đạo Minh, dòng họ Nguyên, người xứ Tương Châu. Tuy tuổi còn niên thiếu mà cao thượng, có lắm tiết hạnh kỳ đặc, tiếng tăm thiền tụng vang khắp gần xa, khoảng trong tháng 3 năm Đại nghiệp

thứ nhất (605) thời nhà Tùy, Đạo Minh thị tịch tại Bản tự.

Đến tháng 7 năm đó (605) có người bạn cùng ở chung phòng với Đạo Minh là Sa-môn Huyền Tự, nhân đi đến ngoài giao dã, gặp lúc trời sắp chiều tối, bỗng gặp được 1 ngôi Già lam, bèn sang muốn xin dừng nghỉ qua đêm. Vừa đến đầu cửa, mới thấy Đạo Minh từ trong chùa mới đi ra, tướng mạo nói năng chẳng khác lúc bình sinh, bèn dẫn Huyền Tự vào đến nơi phòng. Trong tâm Huyền Tự riêng lấy làm quái lạ, mà chẳng vội hỏi. Đến cuối đêm, Đạo Minh bàn dậy bảo cùng Huyền Tự rằng: “Đây là xứ chẳng thường, Thượng nhân phải thận trọng chớ lên trên trai đường”. Đến sáng, lúc nghe tiếng chuông gióng, Đạo Minh lại nói cùng Huyền Tự cũng không chấp thuận cho lên trai đường, mà hình thể Đạo Minh chóng tiêu hao, nhan sắc đổi khác hẳn. Sau khi Đạo Minh đã đi, Huyền Tự liền sang nơi trai đường đứng sau bên cạnh cửa sổ, trông nhìn mọi sự trong trai đường, cũng lễ Phật hành hương như pháp của chúng Tăng. Vị Duy-na xướng dâng thí cháo rồi liền thấy có người khiêng cháo đem lại, đều là sắc màu như máu huyết dâng thí khắp đủ, và thấy khắp thân thể chúng Tăng lửa cháy xoay chuyển mà chết ngất, như thế chừng khoảng bữa ăn. Lâu sau, vị Duy-na đánh lảng, chư Tăng đồng 1 lúc không còn tướng khổ. Huyền Tự kinh sợ về lại nơi phòng nghỉ, chốc lát, Đạo Minh đến, sắc da càng đen nám và tiêu tụy. Huyền Tự hỏi Đạo Minh đáp rằng: “Đây là địa ngục, khổ chẳng thể nói!” Huyền Tự lại hỏi: “Cớ sao ông khổ đến như thế?” Đạo Minh đáp: “Vì ngày trước lấy dùng của chúng Tăng 1 bó củi để nấu nước nhuộm y mà quên bồi thường, vì vậy phải chịu nhận tội bị đốt chân 1 năm”. Và Đạo Minh đưa tay vén y phục lên, từ đầu gối trở xuống đều bị cháy đen. Nhân đó, Đạo Minh khóc than mà nói rằng: “Thượng nhân từ bi, xin nguyện được cứu độ!”. Huyền Tự kinh sợ thở than mà bảo cùng Đạo Minh rằng: “Ông là người tinh luyện, còn mắc phải như thế, huống hồ chúng tôi sẽ lại phải thế nào? Chẳng xét biết phải làm sao để cùng thoát khỏi!” Đạo Minh bảo: “Mua cho trăm bó củi để bồi thường chúng Tăng thường trú, và ghi tả cho 1 bộ kinh Pháp Hoa”. Huyền Tự nói: “Tôi sẽ tự dốc hết những gì tôi có được vì ông mà lo liệu đó. Cầu nguyện cho ông sớm lìa khỏi nỗi khổ này”. Nhân đó bèn giả biệt, Huyền Tự trở về lại chùa, y như lời nói mà đáp trả, và ghi tả kinh, xong rồi trở sang đó tìm xem, tự nhiên tỉnh lặng không thấy gì nữa.

8. Sa-môn Thích Đạo Tướng ở Kỳ Châu thời nhà Tùy thấy chư Tăng ở chùa Linh Nham nhận chịu tội khổ. (Rút từ Linh Nham tự ký).

Sa-môn Thích Đạo Tướng, người xứ ký châu, nghe chư Tăng ở chùa Linh Nham tại Tề Châu tu hành nghiêm chỉnh, thần linh kính túc. Vào năm Khai Hoàng thứ 16 (596) thời nhà Tùy, nhân trên đường hành Đạo, bỗng chốc Đạo Tướng bị bạo tử, thần thức đến trong Minh Ty, thấy Bồ-tát Đại Thế Chí, và được Sa-môn Đàm Tường chủ chùa Hóa Xưng dẫn đi trông xem chư Tăng đọa nơi địa ngục.

Mới đầu thấy Sa-môn Tăng Chân. Tăng Chân bị đọa trong địa ngục hắc ám (đen tối), than lửa thiêu đốt đó. Nói cửa ấy có tấm bảng ghi rằng: “Người này vì riêng dùng 20 quan tiền dầu đèn nhà chúng Tăng, chỉ đèn vô tận trong chùa dầu do nhà rất có cửa cải dâng cúng, Tăng Chân trải qua thời gian làm chủ chùa, trong ý cho rằng: “Dầu của đèn vô tận, nghĩa là chúng Tăng có thọ dụng”. Tuy bảo là vay mượn dùng, mà ý riêng chẳng hoàn trả. Vì nghiệp Đạo ấy nên chẳng khỏi nhận chịu quả báo”. Tăng Chân nhiều năm trở lại đây, thân thường đen nám suy gầy sinh mọc các mụn nhọt nóng đốt, chữa trị đó mà chẳng lành khỏi. Ngài Đàm Tường bảo cùng Đạo Tướng rằng: “Ông trở về lại chùa nói cùng Tăng Chân hãy gấp hoàn trả lại vật cho nhà cúng dầu đèn, thì được thoát khỏi đọa địa ngục. Tăng Chân liền tự ngày ấy hoàn trả, trọn từ đó được khỏi và tấm bảng nơi địa cũng theo đứt mất”. Tiếp đến thấy Sa-môn Pháp Hồi tại địa ngục Phương lương Yểm. Tấm bảng ở đó ghi rằng: “Người này riêng dùng 30 xấp lụa quyên của chúng Tăng”. Ngài Đàm Tường bảo cùng Đạo Tướng rằng: “Ông trở về lại chùa nói cùng Pháp Hồi phải chóng hoàn trả lụa quyên cho chúng Tăng, thì được thoát khỏi đọa địa ngục”. Đạo Tướng trình bày việc trên đầy đủ, Pháp Hồi liền chống cự không thừa nhận, mới nói là: “Từ trước trở lại chẳng dùng của chúng Tăng 1 thước vật, nhân nào có được 30 xấp lụa quyên?” Đạo Tướng nói nơi tấm bảng ấy ghi rằng: “Năm Khai Hoàng thứ 5 (585) thời nhà Tùy, chúng Tăng sai pháp Pháp Hồi đến kinh đô xin đặt để biển ngạch chùa Linh Nham, mang theo 100 xấp lụa quyên, 2 con lừa, ngoài ra còn có các thứ lương thực. Pháp Hồi đến kinh đô, gặp được Thông sự xá nhân vốn là Đàn Việt của chùa Linh Nham vì giúp tấu trình mà được biển ngạch chùa chẳng phí tổn 1 tiền. Pháp Hồi tự suy nghĩ rằng “Biển ngạch chùa này do Pháp Hồi đây mà có được, nên đối với chùa rất có công ân, nên tiêu 30 xấp lụa quyên”. Mới dùng 10 xấp mua đổi vàng, 5 xấp đổi lấy tơ vải, 6 xấp mua chén sữa và thạch học, 6 xấp mua trầm hương, 3 xấp mua than thạch, và rương khóa, đủ cả thảy 30 xấp, trong đó 25 xấp đủ bán, 5 xấp hiện tại trong rương, hương ấy đều hiện còn, chén sữa thạch học dùng xong, tơ vải hiện còn 2 xấp tạc trong rương,

vàng 1 trượng cũng chưa dùng”. Pháp Hối hiện thấy sự việc nghiêm chứng, ngay đó liền cúi đầu hoàn trả lại 30 xấp lụa quyên và trong ngày đó liền xong, tấm bảng niêm yết trên cửa ngục cũng tiêu mất.

Tiếp đến thấy Sa-môn Đạo Khuếch tại địa ngục Hỏa thiêu. Tấm bảng ở đó ghi rằng: “Người này đốt của chúng Tăng 80 tiền củi nên đọa vào địa ngục này”. Đạo Tướng trình bày đầy đủ như thế mà Đạo Khuếch không thừa nhận, mà tự bảo rằng: Từ lúc ở chùa trở lại nay, với 1 tấc củi lá chưa từng bóm đốt, huống gì là có riêng dùng 80 tiền củi”. Đạo Tướng nói thầy trên bảng ghi rằng: “Có người trộm cây hạnh trong rừng của chúng Tăng kéo ra ngoài ranh giới cắt làm lược gỗ, do có không hết, Đạo Khuếch thu gom gỗ còn sót lại cắt làm 3 bó, và 1 cái rễ là thô, nên tính thẳng là 80 tiền”. Đạo Khuếch do không phục bảo “ngoài rừng đem 3 bó củi thô là 1 kể vào bó, trị giá củi bán thời bấy giờ, đến chùa chỉ 20 văn tức được 1 đoạn. Sao có 3 bó củi hạnh được ngay 80 tiền?” Đạo Tướng nói trên bảng nói rằng: “Thô chỉ 1 cái rễ nhưng có thể làm được lược gỗ, nên tính thẳng 80 tiền”. Đạo Khuếch thấy vậy bèn thừa nhận, hoàn trả lại cho chúng Tăng 80 tiền, và như trên mà được ra khỏi.

Tiếp đến thấy Sa-môn Tuệ Thái ở trong địa ngục hỏa thiêu, trên tấm bảng ghi rằng: “Thiêu đốt 1 cái nia mộc trác của chúng Tăng, chỉ tính thẳng 20 tiền”. Tuệ Thái liền thừa nhận, hoàn trả lại 20 văn tiền. Và như trên mà được ra khỏi. Tiếp đến thấy Sa-môn Tuệ Khản, trên tấm bảng ghi rằng: “Trong Lan nhã có 40 người thường ngày đều làm 1 bữa thức ăn chay tịnh. Tuệ Khản khuyên mời chư Tăng ở ngoài lại ăn cháo tổn hao hết 3 thăng gạo nên đọa vào địa ngục”. Hoàn trả lại được ra khỏi. Tiếp đến thấy riêng Đạo Tướng đọa nơi địa ngục tiếp chúc, lửa đốt cháy tay. Trên tấm bảng ghi rằng: Người này được sai bảo vì chúng Tăng mà làm đuốc, bèn bỏ khuyết không làm, và người đồng cùng làm từng kêu không được, mới làm nói đùa: “Đại đức sao có thể cùng người làm đuốc?” Vì trái chúng Tăng như thế nên đọa địa ngục này”. Đạo Tướng hoàn trả lại trị giá đuốc cho chúng Tăng, liền được ra khỏi ngục ấy.

Tiếp đến thấy 3 vị Sa-di, quên mất tên tự của họ bị đọa nơi địa ngục hỏa thiêu. Trên tấm bảng đề rằng: “Theo pháp chùa ấy tuyệt không được đốt củi khô. Các Sa-di ấy liền đốt củi khô. Ở trên cửa ngục có nhóm trùng con theo Sa-di ấy đói lấy mạng nên đọa vào địa ngục này”. Ngài Đàm Tường bảo cùng Đạo Tướng rằng: “Người trở lại chùa nói cùng 3 Sa-di ấy, mỗi người thiết 1 hội cúng để cúng dường

chúng Tăng mà shthì được thoát khỏi”. 3 Sa-di ấy mỗi một đều thiết lễ hội cúng dường, nên được ra khỏi. Theo đó, thấy Sa-di Minh có đọa trong địa ngục phí thiết bạc tĩnh, lửa đến đốt cháy mặt. Trên tấm bảng ghi rằng: “Người này vì chúng Tăng thường làm bánh mông, lại không người sai sử, vì không dụng tâm tiếc giữ bột bánh, mới phải bột bánh rơi vãi nơi đất chẳng thể thu gom lấy nên đọa vào địa ngục này”. Sa-di Minh có trong khoảng 4, 5 năm trở lại đây, khắp mặt mày sinh nhiều mụn nhọt, chịu khổ não lớn, chữa trị không lành. Ngài Đàm Tường bảo cùng Đạo Tướng rằng: “Người nên bảo cho Minh có biết vậy”. Sa-di Minh có liền thừa nhận, thiết lễ cúng dường mà được khỏi. Tiếp theo lại thấy Sa-di Đạo Hoằng đọa trong địa ngục nuốt viên sắc, từng viên sắt lửa đốt cháy nuốt vào trong miệng, miệng đều tiêu cháy. Trên tấm bảng ghi rằng: “Người này vì chúng Tăng làm bánh bao, đại chúng chưa ăn mà trộm ăn một bát, nên đọa vào địa ngục này”. Sa-di Đạo Hoằng trong khoảng vài năm trở lại đây, trong miệng luôn mọc mụn nhọt, đau khổ khác thường. Ngài Đàm Tường bảo nên vì chúng Tăng mà thiết 1 lễ cúng, tức được thoát khỏi sa đọa địa ngục ấy.

Những vị như thế có cả thảy hơn 30 người, trong thời gian 7 ngày mà Đạo Tướng chỉ bày tội tướng, rộng như ở Biệt ký.

9. Sa-môn Thích Trí Khôi ở chùa Quốc Thanh thời tiền Đường qua đời làm đũa ở trong chúng Tăng. (Tân Lục)

Sa-môn Thích Trí Khôi, không rõ là người thuộc dòng tộc nào, xuất gia ở chùa Quốc Thanh tại núi Thiên Thai. Theo thứ lớp giữ việc trị tuế, mới đem 10 xấp vải nhỏ cho Thừa Lý Ý ở huyện Thỉ Phong vay mượn, đến khi hoàn tất trọn chẳng trả lại. Về sau Trí Khôi qua đời sinh làm đũa ở trong nhà chùa, tên là Sư Lập, trên lưng có đường văn làm thành chữ là “Trí Khôi”, mọi người hiện tại đồng thấy. Và, Lý Ý kia sau khi chết cũng sinh làm đũa ở trong chùa, tên là Sĩ Tung, trên lưng cũng có thể “Lý Ý” và danh tự.

10. Sa-môn Đạo Sưởng ở chùa Bạch Tháp tại Dương Châu thời tiền Đường bị Minh Quan răn khuyên. (Tân Lục. Phủ: Cô Ni Diệu Giác).

Sa-môn Đạo Sưởng dòng họ Tống, người xứ Giang Đô, Dương Châu, xuất gia từ thuở thiếu thời ở chùa Bạch Tháp, nhậm giữ chức Đô Duy-na trông coi mọi vật của chúng Tăng, tự do xâm lạm sử dụng. Trong khoảng niên hiệu Vĩnh Xương (689-689) thời tiền Đường, bỗng

nhiên có vài người Minh quan đều mặc y phục đồ tía cưỡi ngựa giữa ban ngày xông vào trong phòng, kéo Đạo Sưởng xuống đất, trong ánh mắt tức giận vung dao sắp xuống cổ Đạo Sưởng. Đạo Sưởng không biết là người nào kinh sợ kêu gào xin tha mạng. Các đệ tử v.v... chạy đến báo cùng chủ chùa. Chủ chùa đi đến thấy vậy rơi vãi dơ uest đứng bên cạnh đều không nói được gì. Minh Quang gằn tiếng bảo: “Tất cả của cải phòng nhà có ra đều phải đưa hoàn trả chúng Tăng thì sẽ tha cho người được sống”. Đạo Sưởng cúi đầu đáp: “Xin vâng, không dám trái mạng lệnh”. Minh Quan nói: “3 ngày sau sẽ trở lại”. Đạo Sưởng liền gióng chuông nhóm tập chúng Tăng, xả hết mọi thứ y vật bồi thường chúng Tăng, tu tạo tôn tượng, thiết trai sám hối, 3 ngày sau Minh Quan lại đến, thấy Đạo Sưởng chỉ còn 1 bình bát 1 áo nạp, ngoài ra không tích chứa gì, Minh Quan bèn chẳng nói gì mà bỏ đi. Từ đó, Đạo Sưởng không còn bị gì, về sau trở thành bậc Minh hạnh.

Lại nữa, Cô Ni Diệu Giác ở chùa Pháp Giới, trong lúc đang nhậm trị tuế đưa 26 quan tiền nhờ Sa-môn Huyền Trạm ở chùa Khai Nghiệp bàn 200 thạch thóc quan, thiếu 13 gian tiền thóc, chưa hoàn trả tiền ấy. Quan điển nhớ trong lòng vị Tăng ấy, khổ công quyết đòi không được. Bền trải qua 3 năm sau. Đến trong tháng 9 năm Thánh Lịch thứ nhất (698) thời tiền Đường, Cô Ni Diệu Giác đang ở tại phòng, bỗng nhiên mắc bệnh nặng. Bền có người đuổi theo bảo: “vua đuổi tìm đòi Sư!” Diệu Giác liền theo kẻ sứ đến chỗ vua Diêm-ma. vua hỏi: “Tại sao Sư dùng tiền của nhà chùa ư?” Cô Ni Diệu Giác nói: “Một đời trở lại chùa từng dùng tiền của nhà chùa”. vua bảo: “Lúc đang giữ việc trị tuế dùng 13 quan tiền bán lúa thóc quan, thóc đã không được, tiền sao chẳng hoàn trả”. Cô Ni Diệu Giác nói: “Tiền ấy Sa-môn Huyền Trạm đem giao cho Quan Điển, còn Diệu Giác tôi thật chẳng tự dùng”. vua liền gấp sai tìm kiếm Sa-môn Diệu Giác để đối chất với Cô ni ấy. Đang lúc ở trong Minh Đạo suốt 2 ngày tìm kiếm Sa-môn Huyền Trạm khắp nơi không được, bèn xin vua Diêm-ma đuổi tìm, vua cũng chấp nhận đuổi tìm. Cô Ni Diệu Giác chết trong Minh Đạo, lúc tìm kiếm Sa-môn Huyền Trạm thì Diệu Giác đang nằm trên giường tại phòng nhà cũng nhiều lần mở miệng bảo: “Hãy gấp gọi Sa-môn Huyền Trạm”. Người đứng bên cạnh liền vì tìm kiếm, trải qua 2 ngày tìm thấy được Sa-môn Huyền Trạm, Cô Ni Diệu Giác đang bệnh đã nghe Huyền Trạm đến, bất chợt trên giường bỗng nhiên ngồi dậy, trong ánh mắt sân hận bảo: “Vì Đại sư bị đuổi tìm kêu gọi gấp, đã 2 ngày tìm kiếm Sư khắp nơi không được, dưới cẳng chân tôi bị phá hết. Đại sư làm gì không lại?”. Khi đó, người bên cạnh

xét xem dưới cẳng chân Cô Ni Diệu Giác đều bị phá làm thành vết sẹo. Cô Ni Diệu Giác nói cùng Sa-môn Huyền Trạm rằng: “Đại sư không thể chẳng vì gấp hoàn trả vật lại cho nhà chùa. Nếu không có được vật tôi trọn không được phóng thả. vua Diêm-ma hiện tại cũng đang đuổi tìm Đại sư. Bối rối như thế khổ đòi Sa-môn Huyền Trạm”. Huyền Trạm bèn liền lập tờ thiệp xin hoàn trả lại. Ghi rằng: “Đến tháng chạp sang năm mà không hoàn trả, thì xin mọi vật trong phòng hiện nay đều đem giao trong minh đạo, trình bày đầy đủ và quanh co bảo rằng: “Sa-môn Huyền Trạm đều cho biết đó, không liên quan gì đến việc Diệu Giác tôi”. Quan điểm trong Minh đạo còn tự khổ lưu giữ chẳng phóng thả Cô Ni Diệu Giác, bỗng thấy Pháp sư Ấn và Pháp sư Thúy khuyên rằng: “Sự việc đã chẳng cùng liên quan, cứ sao không phóng thả?”. Điện Lại trong Minh Đạo bèn cấp cho Cô Ni Diệu Giác bản sao, và bảo: “Phóng thả Sư đi”. Cô Ni Diệu Giác thân bệnh bèn được dần lành. Và Sa-môn Huyền Trạm đến trong tháng chạp năm sau hoàn trả tiền lại bên xong. Đồ chúng cả 2 chùa đều thấy biết việc ấy.

11. Vị Tăng ở Ấn Châu thời tiền Đường cất thừ giảm bớt cháo, hiện đời nay bị ăn phần ược. (Tân Lục).

Tại Ấn Châu có 1 vị Tăng, mất tên họ, đã từng trải qua sự việc trị tuế, bèn cất cái thừ khiến nhỏ bớt, nên cháo chúng Tăng ăn không no đủ, qua sau 1 tháng, hằng ngày vị Tăng ấy không ra khỏi phòng, chư Tăng lấy làm quái lạ riêng đến trông xem, thấy vị Tăng ấy mỗi lúc đến giờ ăn mang bát đến nơi nhà xí lấy phần ược mà tự ăn. Chư Tăng nhân đó liền mở phòng ra, trong phòng ấy đặc đầy mùi hôi thối, bèn hỏi nguyên do. Vị Tăng ấy đối trước chúng Tăng mà sám hối, bèn được trở lại như xưa cũ..

12. Sa-môn Tuệ Tiên và Sa-môn Thần Anh ở chùa Đạo Thắng tại Ninh Châu thời tiền Đường nhận chịu khổ báo. (Tân Lục).

Thượng tọa Tuệ Tiên và Đô Duy-na Thần Anh ở chùa Đạo Thắng tại Ninh Châu, đều vì chùa đồng sự hòa mục, dùng vật của chúng tăng thường trụ, không ngang hạng mượn, tiện vượt hẳn ăn uống vô số. Với nhân quả nghiệp Đạo chẳng hề liên quan đến tâm. Thiền tụng kinh hành không từng để ý. Tuy sống trong hàng Tăng Lữ mà thật làm đơ bản Đạo phong. Các hàng Đạo tục đều dèm pha quở trách cho đó là hạng người không báo ứng. Thượng tọa Tuệ Tiên cảm nhiễm bệnh mà qua đời, sau đó 3 năm Đô Duy Na Thần Anh cũng bỏ đi.

Đến trong tháng 7 Vạn Tuế Thông Thiên (696-697) thời tiền Đường, bỗng gặp Sư Bà ở Quách Lý, nhân liền hỏi: “Thần Anh tôi có tốt lành chăng?” Sư bà trông nhìn Thần Anh mà bảo rằng: “Sau lưng Sư có 1 vị Tăng luôn đuổi theo sư. Nếu qua khỏi phương tháng 8 tức sẽ không việc gì”. Thần Anh cho đó là lời nói đùa chơi. Đến đầu tháng 8, có người nhà trong chùa ban đêm mộng thấy Thượng tọa Tuệ Tiên cùng 1 người khác cầm nắm sợi dây màu đỏ đi vào chùa hỏi: “Đô Sư (Thần Anh) người nhà ấy đáp: “Không có ở đây”. Thượng tọa Tuệ Tiên bảo: “Tôi cùng ông ấy đồng trong coi việc chúng Tăng, riêng phá tài vật của chúng Tăng phung phí tan mất rất nhiều. Tôi bởi duyên tội ấy mà bị đọa vào địa ngục Ngại luân (cõi xay), ngày đêm nhận chịu khổ, không sao diễn tả được. Ông lại chẳng vì tôi mà tạo tác chút ít công đức, đâu được khiến tôi riêng nhận chịu khổ ấy”. Bèn vào trong chùa tìm kiếm Đô Sư Thần Anh, thấy gặp Sa-môn Bát Nhân là chủ chùa hiện đương thời, người nắm sợi dây đỏ liền dùng dây gỡ xé chủ chùa Bát Nhân. Sa-môn Bát Nhân bảo: “Việc không liên quan gì đến tôi”. Và liền đưa tay nắm lấy dây dẫn kéo chống cự, nhân đó liền được thoát, vượt tường mà ra. Người nhà ấy sau khi tỉnh mộng, kể cùng mọi người. Lại thấy Thần Anh, liền nói: “Đêm qua có 1 giấc mộng rất không tốt lành, con muốn tỏ bày cùng Đô Sư nhưng sợ Đô Sư tức giận”. Thần Anh bảo: “Cứ nói có gì phải sợ”. Người nhà ấy liền đem sự việc trong mộng tỏ bày đầy đủ, và nói: “Tháng này Đô Sư không nên ở tại chùa”. Trong tâm ý Thần Anh tỏ ngộ thấy đồng như lời nói của Sư bà ngày trước, nên lo sợ mà trở về nhà.

Đến ngày 21 tháng 08, Thần Anh bảo cùng trong nhà rằng: “Ngày nay trên chùa có Quan đến cúng trai mà không người tán Phật, nên tôi tạm trở về chùa”. Người trong nhà nói: “Sư không nên ở chùa, tại sao phải đi?” Thần Anh bào rằng: “Đâu thể do vậy. Tôi tạm sang rồi trở về liền”. Nhân đó đi đến chùa, giờ cúng trai chưa đến nên Thần Anh xuống nhà trừ xét xem, vừa tạm ngồi, người trong nhà trừ đem bún ăn bày mời. Thần Anh liền lấy ăn vài ba miếng, trong cơ thể nóng bừng, Thần Anh bảo: “Tôi uống thuốc trước tợ như không thích nghi”. Giờ cúng trai đã đến, Thần Anh tự tán Phật, đến nửa chừng, hơi khí sức lực chuyển suy yếu dần không thể trọn được buổi lễ, liền nói cùng Sa-môn chủ lễ pháp ngưng rằng: “Thần Anh tôi trong thân tôi không được khỏe tốt, xin được về nhà để nghỉ”. Sa-môn Pháp Ngưng bảo: “Tôi thấy ông rất là khốn khổ, không nên ở lại lâu”. Về đến nhà được 1 đêm, đến sáng ngày hôm sau Thần Anh không dậy nổi, người trong nhà cùng đến

trông xem, liền thấy có 2 người cùng đi theo vào, Thần Anh bảo: “Đỡ tôi dậy, Trương Đô, Vương Đô 2 quan đã lại”. Và Thần Anh hướng về Vương Đô cúi đầu nói rằng: “Xin phóng thả Thần Anh lại được 1 năm để tu tạo công đức, cũng vì Đô quan mà tạo tác công đức, ân đức ấy không do đâu có thể nói!” Vương Đô bảo rằng: “Hắn không thể được, Thượng tọa Tuệ Tích kia sớm đã chết trước 3 năm nhận chịu thống khổ nơi địa ngục Ngại luân, sao nói người khác chờ đợi Sư rất gấp không thôi”. Thần Anh cầu xin Vương Đô không được, bèn hướng sang Trương Đô cúi đầu nói rằng: “Tôi cùng Đô Quan đồng dòng họ, há chẳng cùng cứu tôi sao?” Trương Đô liền nói cùng vương Đô rằng: “Sư Thần Anh muốn cùng ông tu tạo công đức, trong ý ông sao mà không phóng thả?”. Vương Đô bảo rằng: “Việc này hẳn không thể được, giây lát nữa vua Diêm-ma đến, đâu được tự do?”. Mới ước định trói buộc Thần Anh, bèn bảo rằng: “Chớ nên lảm lời nữa, vua đến sẽ sân trách”. Thần Anh cầu xin đã không được, liền hỏi người trong nhà rằng: “Có sữa mật chăng?” Người trong nhà đáp: “Không có sữa mật, chỉ có trái cây”. Thần Anh liền bảo dời giường phô bày, đặt hơn 10 diệp trái cây, phỏng định dâng cúng Đại vương. Chỉ thời gian ngắn, Đại vương (vua Diêm-ma) liền đến, thân cao hơn 8 thước, cưỡi ngựa Tứ lưu, thân mặc áo bào sắc tía, các người theo hầu đông nhiều có hơn 30 vị, đến chỗ Thần Anh đang nằm, Trương đô và Vương Đô liền bước xuống thêm cấp đứng bên cạnh. Thần Anh liền ngồi dậy, như muốn nói lời từ tạ. Đại Vương bảo cùng 2 Đô quan rằng: “Lại đợi đến lúc nào? Gấp trói ngược tay lại”. Thần Anh 2 tay đưa lui ra sau lưng tựa như muốn bị trói ngược, muốn kéo đưa tay tới trước trọn không thể được. Đại vương lại bảo: “Sao chẳng đánh gấp?”. Thần Anh rên rỉ thống khổ. Người nhà vén kéo y phục lên, thấy trên lưng rộng khoảng 2 bàn tay, chỗ gậy đánh xanh bầm sưng thối đến trước ngực. Đến chiều ngày ấy Thần Anh qua đời vậy.

13. Sa-môn Huyền Biện ở chùa Đài Từ Ân tại kinh đô thời tiền Đường bị Minh quan đuổi bắt. (Phụ: Sa-môn Thần đức ở chùa Khai Nghiệp).

Sa-môn Huyền Biện, dòng họ Vương, người xứ Trường An, xuất gia vào Đạo từ tuổi bé thơ, ít dự can theo lưu tục, tuy đượm nhuần pháp vũ, mà chẳng nẩy mầm tiêu cháy giống. Từng vì chúng tăng sai bảo đến Trị Tuế nơi trang trại ở Đồng châu, mới chẳng tư duy đến nghiệp lụy, thỏa sướng ở đó không nhằm chán, riêng dùng của chúng Tăng 30 thạch hồ ma, 20 thạch đậu lớn. Đã ẩn giấu nhiều năm, chẳng tỏ bày sám hối.

Đến trong niên hiệu Vĩnh Xương (689) thời tiền Đường, bỗng mắc phải khổ hoạn, tự thấy thân mình ở trong hầm lửa. Lại có con rắn lớn muốn lại ăn nuốt. Thân sắc mà hồng đỏ, 2 cẳng chân cháy nát, xoay quanh kêu gào, chua xót khó nghe. Chúng Tăng thấy thế không ai chẳng dựng đứng lông tóc toát mồ hôi. Trong giây lát tỉnh táo, liền sai một người giữ bên cạnh thay thư và kêu dẫn Sa-môn Cảnh Tiên đến. Cảnh Tiên lúc chân đang còn sống mà Huyền Biện đã thấy Cảnh Tiên ở trong hầm lửa. Huyền Biện cắt hết y vật của cải, khắc ký tổ bày sám hối. Trải qua 20 ngày sau mới thấy Minh quan dẫn theo năm sáu trăm người cầm nắm khí tượng đến, Huyền Biện chỉ biết cúi đầu, cúi đầu như thế mà qua đời. Bấy giờ Pháp sư Hoa Nghiêm đang giảng pháp ở trong, các hàng Đạo tục có đến vài trăm người, thấy đều nghe biết đó.

Thứ nữa, Sa-môn Thần Đức ở chùa Khai Nghiệp, cũng tiêu dùng lấm vật của thường trụ, bỗng nhiên bị bạo tử. Có người dòng họ Lưu ở Tân Phong cũng bị bạo tử thấy đầu Thần Đức như núi lửa, thân làm thành chân vạc, lại dẫn Thượng tọa ở cùng đồng đi và dẫn Đô Duy-na nhân kính. Thần Đức bèn xả thí y vật đền trả của Thường trụ, sớm tối tinh cần tu tập, bèn khỏi bị đuổi bắt.

14. Sa-môn Tuệ Trừng ở chùa Khải Phước tại Phần Châu thời tiền Đường dùng vật lẫn lộn nhận chịu khổ. (Tân Lục).

Sa-môn Tuệ Trừng là chủ chùa Khải Phước ở Phần Châu, là bậc rất phong phú tuệ giải luật nghi, đại mũ môn đồ. Đồ chúng có đến vài trăm vị nên rất vang danh ở đương thời. Đến trong tháng 06 năm Điều Lộ thứ 3 (681) thời tiền Đường, cảm mắc bệnh hoạn sắp hết, uống sữa bò vài ngày, tự nhiên không sao mà qua đi. Vài ngày sau đó, có Sa-môn Trường Ninh ở Đồng chùa là bậc tinh tu thiên hành, ban đêm bỗng thấy Tuệ Trừng lại mà hình sắc tiêu tụy, nói rằng: “Tôi vì dùng vật lẫn lộn của Tam bảo, chịu khổ quá lắm khó thể nói, nay mong theo ông xin cho 1 bữa ăn!” Và lại nói cùng Trường Ninh rằng: “Các tội đều tạm nhẹ, thứ nhất là không được dùng vật của chốn già làm, nhiều lần phải đền trả”. Bấy giờ có 1 vị Sa-môn tên là Trí Cảm là người học hạnh kiêm thông, tinh tu thận mật. Tuệ Trừng nói cùng Trường Ninh rằng: “Cả trong 1 châu chỉ có 1 người ấy có thể toàn khỏi, ngoài ra đều là rất khó!” Và lại nói: “Pháp sư Thiện Trừng ở chùa Đường Hưng cũng sử dụng lẫn lộn vật của Tam bảo, không bao lâu nữa sẽ phải nhận chịu”.

15. Sa-môn Trí Thao ở chùa Nghĩa Hưng tại Tinh Châu thời tiền

Đường xâm phạm vật của chúng Tăng bị rùng phạt, ngục tốt hiện đến.
(Tân Lục).

Sa-môn Trí Thao ở chùa Nghĩa Hưng, năm Điều Lộ thứ nhất (679) thời tiền Đường, bỗng nhiên trong đêm thấy lửa bốc cháy phủ cao trên đầu vài trượng, ngó đầu ngục tốt đông đầy trước sau, bảo cùng Trí Thao rằng: “Người tự do dùng vật của chúng Tăng, nên phải vào trong địa ngục”. Trí Thao buồn khóc cầu xin, thề đền trả liền, rỏ giọt máu khấn thành đến sáng sớm mới được khỏi, mê muội qua vài ngày, sau mới nói lại điều đó và liền chữa bỏ cái đổi, bèn được không việc gì.

16. Sa-môn Bá Đạt ở chùa Nội Giới tại Phần Châu thời tiền Đường sau khi qua đời làm thân trâu ở chùa. (Tân Lục).

Trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời tiền Đường ở chùa Nội Giới tại Phần Châu có 1 vị Sa-môn tên là Bá Đạt, tánh tình ham thích uống rượu, mỗi ngày thường say. Sau được sung vào nhà khố làm Trị tước, thường luôn lấy tiền chúng Tăng để mua rượu uống, vài năm sau qua đời. Về sau, chúng Tăng trong chùa mua được 1 con trâu rất có sức lực. Tăng chúng ở ngoài cửa dời cật hoặc ngồi hoặc đứng, thấy người nhà xua đuổi đàn trâu vào chùa, con trâu mới mua được ấy đi sau cuối đàn cách vài mươi bộ, có 1 vị Sa-môn bảo: “Con trâu đi bước đặng trước rất tự như Bá Đạt bàn thời xưa của chúng ta”. Con trâu ấy nghe tên đó bèn sang xoay nhìn đến chúng Tăng. Chư Tăng bảo “phần nhiều là Bá Đạt”. Mới nói cùng trâu ấy rằng: “Nếu người thật là Bá Đạt tức nên đến trong chúng Tăng”. Trâu ấy ứng tiếng liền đến, nhân cúi đầu nơi đất mà trong ánh mắt tuôn trào lệ. Chúng Tăng nhân đó vỗ xoa đầu trâu, đối cùng nó mà rỏ lệ khóc, vì trâu mà sám hối và cho thọ giới.

Đến năm Trinh Quán thứ 19 (645) thời tiền Đường, vua Thái Tông (Lý Thế Dân) đánh phạt Liêu Đông, bảo Tả Thừa Vũ Văn Tiết đến trong các châu gom bắt tất cả trâu để cung cấp cho quân lính ăn. Đến trong chùa ấy tìm bắt trâu, con trâu ấy riêng chồm nhảy húc chống chẳng ra, chúng Tăng nói cùng Vũ Văn Tiết sự tình nghi như thế. Vũ Văn Tiết nói cùng chúng Tăng báo trâu ấy Sứ giả không bắt lấy người. Nhân đó bảo cùng trâu rằng: “Sứ giả chỉ muốn trông thấy người, không bắt dẫn người đi”. Trâu ấy ứng tiếng liền ra. Sứ giả bảo quỳ, trâu liền quỳ, Vũ Văn Tiết rất kinh ngạc mà bỏ đi.

17. Sa-môn Tăng Giác ở chùa Không Tuệ tại Ích Châu thời tiền

Đường sử dụng tiền chùa nên bị đục trán khổ chết. (Tân Lục).

Sa-môn Tăng Giác, không rõ là người thuộc dòng tộc nào, xuất gia từ tuổi nhỏ ở chùa Không Tuệ. Trong chùa ấy tiện nghi đầy đủ, mọi vật tràn đầy. Tăng Giác dòm ngó đục khoét lén trộm lắm nhiều. Đến năm đảm nhận trông coi mọi việc, chiếm dùng tiền của chúng Tăng, chẳng từng hổ thẹn. Sao đó bỗng thoát cõi y phục thân thể đỏ rần, tay như bị trói buộc, kêu gào lớn tiếng buồn khóc rơi lệ. Bấy giờ có Sa-môn Tăng Thái v.v... lấy làm quái lạ sang hỏi thăm. Tăng Giác nói rằng: “Hiện thân tôi nay bị đọa vào trong địa ngục, có người ở giữa không trung nắm cái đục, đục trên trán tôi lui tới sau não và cho đến cả trên lưng đều làm lỗ trống lớn. Ở giữa không trung có tiền hoặc đan xen hoặc cả râu hoặc 1.000 hoặc 100 theo từ miệng vào trong lỗ trên lưng rồi ra, hoặc từ trong lỗ trên lưng vào trong miệng rồi ra, hoặc từ trước trán vào trong não rồi ra, hoặc từ sau não vào trước trán rồi ra, lúc tiền xoay chuyển đau nhức không thể nói. Muốn có được sám hối mong cầu đều tạ”. Liền đó mê ngất, lăn lóc vài ngày rồi qua đời.

18. Sa-môn Hiếu Chí ở chùa Thắng Quang tại Tây kinh thời tiền Đường lấy trái cây cho người thân ăn bị tội báo. (Tân Lục).

Sa-môn Thích Hiếu Chí, dòng họ Đậu là con của Hoa Quốc Công Đàn. Tuy từ thuở bé nhỏ mà dốc chí với kinh giới, đặt để tâm ý nơi Thích giáo. Năm Trinh Quán thứ 13 (639) thời tiền Đường, xuất gia ở chùa Thắng Quang. Chùa đã kín gần chợ quán, anh em thân nhân qua lại thường xuyên. Hiếu Chí từng lấy trái cây trong chùa ra cùng ăn, không bao lâu cảm mắc bệnh ói máu. Khi mọi người phát hiện ra thì chỉ còn có chết. Hơi thở kéo dài buồn kêu rất chua xót, những người trông thấy không ai chẳng sợ run ùi vế, qua thời gian ngắn tỉnh sống lại, máu huyết ngưng lại. Hiếu Chí tự kể rằng: “Trước lúc sắp muốn ói máu, thấy có kẻ sử mặc y phục sắc đỏ dẫn Hiếu Chí sang trong rừng đen tối, quạt gió lớn thổi khắp các thân phần của Hiếu Chí khiến tự phân tán, bỗng chốc lại dẫn Hiếu Chí đến chỗ trong sáng. Tại đó, Đài quán thoáng rộng, phía trên có người nghi dung rất đáng sợ, gằn tiếng bảo cùng Hiếu Chí rằng: “Cớ sao lấy trái cây trong nhà chùa để cùng các người thân v.v... ăn ư? nói xong bèn ẩn mất”. Như thế trải qua hơn 1 tháng sau Hiếu Chí tạm thường phục. Đến ngày 24 tháng 06 năm Hiển Khánh thứ 5 (660) thời tiền Đường, Hiếu Chí qua đời tại chùa, chỉ thọ 21 tuổi.

NÊU BÀY Y CỨ

(Những sự tích trên đây được rút từ nhiều sách khác nhau, do đó nêu bày chứng cứ rút trích để tiện đối chiếu).

- Truyện Đạt-ma-mật-đa (rút từ Tạp Bảo Tạng kinh quyển 6, truyện 11 và phá pháp tạng kinh quyển 5 truyện 10) -Truyện Xà-da-đa (rút từ Tạp Bảo Tạng kinh quyển 6, truyện 9 và kinh luật Dị tướng quyển 19 truyện 19) -Truyện Ly Việt (rút từ Tạp Bảo Tạng kinh quyển 2 truyện 12 và và kinh luật Dị tướng quyển 19 truyện 26) -Truyện Tuệ Đạt (rút từ Lương Cao Tăng truyện, quyển 13 truyện 1 và Đường Cao Tăng truyện quyển 33 truyện 5, Tam bảo Cảm Thông Lục quyển 3 phần C truyện 5, Pháp Uyển Châu Lâm quyển 41 truyện 8 và quyển 103 truyện 16) -Truyện Đạo Chí (rút từ Châu Lâm quyển 96 truyện 14) -Truyện Trí Thông (rút từ Châu Lâm quyển 36 truyện 13) -Truyện Vô Cấu Hữu (rút từ Tây Vực ký quyển 4 truyện 5) -Truyện Tuệ Nghiêm (rút từ Lương Cao Tăng truyện quyển 1 truyện 7 và Châu Lâm quyển 26 truyện 13) -Truyện Tăng Tung (rút từ Lương Cao Tăng truyện quyển 7 truyện 24) -Truyện Tăng Phạm (rút từ Đường Cao Tăng truyện quyển 10 truyện 1, Châu Lâm quyển 33 truyện 18 và quyển 61 truyện 21) -Truyện Tăng Vân (rút từ Đường Cao Tăng truyện quyển 34 truyện 1, Châu Lâm quyển 108 truyện 24) -Truyện Tuệ Chiếu (rút từ Đường Cao Tăng truyện quyển 17 truyện 4) -Truyện Tu Đà Hoàn ở Tây Vực (rút từ Phú Pháp quyển 18 truyện 21) -Truyện vị Sa-di ở Tây Vực (rút từ Tây Vực ký quyển 1 truyện 22, kinh luật Dị Tướng quyển 20 truyện 23) -Truyện Pháp Hạnh (rút từ Lương Cao Tăng truyện quyển 1 truyện 3 và Cảm Thông Lục quyển 3 phần C truyện 3, Châu Lâm quyển 71 truyện 14, Khai Nguyên Thích Giáo Lục quyển 1 truyện 17) -Truyện Đàm Toại (rút từ Châu Lâm quyển 108 truyện 22) -Truyện Tăng Cương (rút từ Đường Cao Tăng truyện quyển 34 truyện 3, Châu Lâm quyển 61 truyện 13) -Truyện Vị Tăng ở chùa Linh Quang (rút từ Nguyên Hóa ký, Thiện Ác Ứng Báo Thiên 6 điều dẫn thứ 16) -Truyện Trí Bảo (rút từ Đường Cao Tăng truyện quyển 27 truyện 22) -Truyện Tiên Ba Nể Ni (rút từ Tây Vực ký quyển 22 truyện 13) -Truyện Tuệ Lâm (rút từ Lương Cao Tăng truyện quyển 7 truyện 10) -Truyện Minh Giải (rút từ Đường Cao Tăng truyện quyển 35 truyện 33, Châu Lâm quyển 61 truyện 24) -Truyện Pháp Hành (rút từ Châu Lâm quyển 12 truyện 18) -Truyện Tăng Quy (rút từ Châu Lâm quyển 100 truyện 14) -Truyện Pháp Tông (rút từ Châu Lâm quyển 47 truyện 13) -Truyện Trí Đạt (rút từ Châu

Lâm quyển 108 truyện 22) -Truyện Tuệ Nghi (rút từ Châu Lâm quyển 111 truyện 14, Tống truyện quyển 29 truyện 1) -Truyện Vị Tăng ở nước Tân La (rút từ Truyền Đăng Lục quyển 2 truyện 2, Phật Tổ Thông Tả quyển 5 truyện 11, Đề Bà truyện) -Truyện Biện Khuê và Hoàng Lương (rút từ Châu Lâm quyển 109 truyện 18) -Truyện Tịnh Độ Tử (rút từ Quảng Hoàng Minh Tập quyển 32 truyện 11) -Truyện Tăng Quân (rút từ Lương Cao Tăng truyện quyển 12 truyện 1) -Truyện Chi Tuần (rút từ Lương Cao Tăng truyện quyển 4 truyện 12, Châu Lâm quyển 89 truyện 20) -Truyện Tuệ Sĩ (rút từ Châu Lâm quyển 113 truyện 4) -Truyện Đàm Du (rút từ Lương Cao Tăng truyện quyển 11 truyện 3, Cảm Thông Lục quyển 3 phần A truyện 1, Châu Lâm quyển 27 truyện 24 quyển 52 truyện 15 quyển 100 truyện 13) -Truyện Nam Công (rút từ Châu Lâm quyển 113 truyện 4) -Truyện Viên Thông (rút từ Đường Cao Tăng truyện quyển 33 truyện 17, Cảm Thông Lục quyển 3 phần A truyện 3, Châu Lâm quyển 25 truyện 25 quyển 52 truyện 17) -Truyện Huyền Giám (rút từ Đường Cao Tăng truyện quyển 17 truyện 3, Phật Tổ Thống Ký quyển 40 truyện 10) -Văn Đoạn Tửu Nhục (rút từ Quảng Hoàng Minh Tập quyển 30 truyện 9 quyển 31 truyện 1) -Truyện Tuệ Quả (rút từ Lương Cao Tăng truyện quyển 12 truyện 13, Cảm Thông Lục quyển 3 phần A truyện 14, Châu Lâm quyển 13 truyện 22) -Truyện Hoàng Minh (rút từ Cảm Thông Lục quyển 3 phần A truyện 15) -Truyện Đạo Minh (rút từ Tam bảo Thống Ký quyển 40 truyện 8) -Truyện Đạo Tướng (rút từ Tam bảo Thống Ký quyển 40 truyện 5) -Truyện Trí Khôi (rút từ Tam bảo Thống Ký quyển 40 truyện 32) -Truyện Đạo Sưởng (rút từ Tam bảo Thống Ký quyển 40 truyện 35) -Truyện Tuệ Trừng (rút từ Tam bảo Thống Ký quyển 40 truyện 33) -Truyện Hiếu Chí (rút từ Tam bảo Thống Ký quyển 40 truyện 27).

BỔ TÚC TIẾP THEO

1. Sa-môn Thích Minh Sâm.

Sa-môn Thích Minh Sâm, người xứ đất Tề. Thuở nhỏ thời du học ở Lương Hà, vì thông rành soi xét nên vang danh, tuy tài giỏi kinh luận mà tâm luôn lấy làm nêu bày cật nạn.

Dưới thời vua Minh Nguyên Đế (Thác Bạt Tư 409-424) thời Bắc Ngụy, Phật giáo rất hưng thịnh Minh Sâm có học thức nhưng chỉ du tứ mà thôi, nên nhã lượng chẳng phải Đạo nghiệp lớn. Bấy giờ có Sa-môn Trí dục tiếng tăm Đạo hạnh rất được mọi người mến chuộng, xa gần đều tôn xưng, học chúng đông đảo như chợ. Minh Sâm không hơn nổi u tình, rất kỵ ghét tiếng tăm rộng lướt, mới riêng kết mật giao, rộng tìm các luận Đạo, mới đầu làm “Ốc Tử Luận Nghị Pháp”, lập biểu đồ, trước thuật kinh, bên ngoài thi vi danh giáo, bên trong dặt lời dẫn, kéo dẫn vào ra chẳng trùm dậy thanh thuyết nghe nói thì có thể lãnh hội nhưng đến lúc thuật bày thì mịt mờ. Các hàng Đồng ý đua nhau nhóm tập như mây ùn trông biểu đồ đọc xem kinh hoảng hiên như mây mộng, một lần theo chỉ bày thì tan vỡ như băng tiêu. Nên người đến học trước bày suốt gấm, vào học Ốc tử pháp ấy bàn lăm thừa, có nắm bắt được chẳng hay bí ẩn, nên tiếng tăm của Minh Sâm ít dần so với trước kia. Minh Sâm mới lại “Xà thế pháp”. Thế ấy như đồ họa trận Xà thế đánh đầu đuôi đến ở Thường Sơn của Gia Các Lượng, đại loại là như vậy, trở lại dùng pháp số bên cạnh rắn (xà) để sánh định, chợt đạt tính, chợt vất bỏ trước sau sấm sai. Tôi (có lẽ là Đạo Tuyên) đã từng thấy đồ họa ấy rất là đáng sợ, họa vẽ làm 1 con rắn dài khoảng 3 thước lúc cuộn xuống lúc ngổm lên, bên cạnh lại thêm đạo phẩm. Đến cuối niên hiệu Đại nghiệp (617) dưới nhà Tùy thì cũng có người học đó, nhưng đến nay thì chẳng lưu hành, tưởng cũng nên dứt mất.

Mới đầu, Minh Sâm hoằng truyền lưu hành Xà luận, khắp ở Đông Xuyên có nhiều vị Đạo hạnh, Minh Sâm cùng can gián dẫn dụ quyết ý lưu hành rộng rãi để làm thành Đạo thế. Bấy giờ tại Thượng ấp thuộc Lộ châu, nghĩ muốn Hoằng dương kinh Pháp Hoa, mới sang chùa Hồng Cốc ở huyện Lâm Lự thuộc Nham Châu tỉnh mời chư Tăng, quên mất tên vị Tăng sang giảng đó. Minh Sâm vốn cùng có sự quen biết, nên nghe thế bèn tìm sang đến. Vị Tăng ấy nghe Minh Sâm đến, trong tâm rất lo sợ, vì biết Minh Sâm luận Đạo thì tự mình không thể nào cùng chống cự, mới đem tình thật mà nói cùng Minh Sâm rằng: “Mọi người ở ấp đây vừa mới kính tin nên mọi sự cần phải quy phục. Các hàng sĩ tục

v.v... đã có dốc lòng, xin Pháp sư chớ để lại xưa cũ mong cùng thành tán thán, nay đây có ít y phục cất may, tạm dùng kính dâng, mong hiểu sâu cho nổi lòng tôi đây”. Bèn dâng 10 xấp lụa quyên, Minh Sâm bảo: “Xưa nay ở đây có thể có ý lẩn lướt ấy ư? Mong dứt bỏ tâm niệm ấy đi”. Nhưng Minh Sâm chẳng chịu đi, muốn ở lại được nghe một lần. Vị Tăng ấy càng khiếp sợ, nhưng sự tình chẳng dặng dừng, nên phải như thường lệ mà lên giảng. Sau cùng Minh Sâm vào nơi giảng đường mang theo lụa quyên bỏ lại đến trong chúng, bảo rằng: “Pháp sư trên tòa cao hôm qua đem lụa quyên này đến dâng tặng tôi, tỏ ý muốn không nên luận nghị, nhưng đối với Phật pháp rộng sâu, phải quấy cần được rõ ràng, giả như dùng tà pháp để giáo hóa người thì biết bao nhiêu hàng sĩ tục sai lầm”. Vị Tăng ấy ngồi trên tòa cao nghe thế, khiếp sợ không thôi, nên y cứ theo thường xưng kinh văn, giảng giải theo nghĩa sớ. Minh Sâm gọi dừng lại, muốn cùng luận bàn chí lý. Khi đó vị Tăng ấy ngồi nơi tòa cao thần ý rong ruổi mạnh dạng tự nhiên đợi chờ hỏi. Minh Sâm bèn bày nêu hỏi. Vị Tăng ấy tùy điều hỏi bèn vị giải nói, trùng điệp tuy lắm nhiều nhưng gì chẳng thông nghĩa. Minh Sâm tinh thần trở nên bối rối, nghĩ khổ thể không theo, liền từ tòa đứng dậy nói rằng: “Pháp sư nơi tòa cao từ trước trở lại mờ tối, cố sao ngày nay nhanh chóng tỏ rõ, như thế tức là có thần quỷ trong núi hổ giúp niệm lực, nếu chẳng vậy làm sao được thế ư?” Vị Tăng ấy cùng Đại chúng cả giảng đường đồng 1 lúc cười lớn.

Minh Sâm liền ra ngoài áp cùng 2 người bạn đến nhà người khát thực. Đã bị đầy hơi, nghẹn không thể xuống, các giải dụ khác làm sao tranh luận ư? Luận nghị chẳng lại là đại lý ngày thường bởi nhân gì chóng khởi phiền não như thế. Minh Sâm chẳng nên cùng, bèn theo hướng Đông mà đi từng bước mà than thở quá mắng. Lên đến trên đỉnh núi, khốn đốn vô cùng, bèn dừng nghỉ dưới gốc cây. Minh Sâm nói cùng 2 người bạn rằng: “Nay ta bị phiền não đốt cháy không thể nói, trong ý sợ hãi sẽ làm thân rắn”. Bèn mở xé xiêm y để lộ bày thân hình đỏ au mà nằm, lật qua lật lại không an định, kéo dài 2 chân, chỉ trong chốc lát, 2 chân bỗng nhiên hợp lại làm thành đuôi rắn đưa cao ngất ngểu, bèn tự chuyển động. Minh Sâm lại nói cùng 2 người bạn rằng: “Ta làm “Xà Thế luận” nên nay mắc quả báo thế này. Các ông nên nhanh leo lên cây, tâm rắn nếu đến thì ăn nuốt kẻ có duyên, nên phải gấp gấp leo lên cây”. Tâm Minh Sâm chưa hoàn toàn biến đổi, 2 người bạn tiện leo lên cây nhưng vẫn còn nói năng với nhau. Thường làm xà luận quả đến như thế nào? Nói năng trong chốc lát, tự nhiên toàn thân Minh Sâm biến

làm thành rắn, chỉ còn cái đầu chưa biến đổi mà chẳng nói năng được nữa, lẳng lóc nơi đất, ngẩn cao đầu tự đánh, đánh không dừng nghỉ, đến lúc vỡ nát bỗng nhiên biến thành đầu rắn, thân hình bỗng biến dài khoảng 5 trượng ngẩn đầu trông nhìn 4 phía ánh mắt như sao lửa. Bấy giờ khắp 4 có vô lượng các loài rắn đồng 1 lúc đua nhau kéo đến. Con rắn ấy ngẩn đầu cao cách đất năm sáu thước, theo hướng hang cốc mà xuống, các con rắn khác cũng theo đó mà đi.

Hai người bạn ấy chính mắt trông thấy chứng nghiệm quả báo của Minh Sâm như thế, đến Nghiệp Đô nói lại vậy. (Rút từ tục Cao Tăng truyện).

2. Sa-môn Thích Thuận Cảnh.

Thích Thuận Cảnh, người ở Lăng quận, vốn dòng tộc thượng Chi mà gia hệ ở Đông Di, nên khó rõ ràng về manh mối. Thuận cảnh rất trọng về Dịch học thanh giáo, bởi xuất phát thiên nhiên hướng hồ là Học Nhân Minh do Trang sư tinh chuyên nghiên cứu truyền nhận, chư Tăng tại Trung Hoa còn chưa lắm thấu đạt, mà Thuận Cảnh chỉ trong khoảnh khắc bèn thông, nếu chẳng do sức lực gieo trồng từ đời trước tự sao mà đến như thế ư?

Trong khoảng niên hiệu Càn Phong (666-668) thời tiền Đường, nhân sứ thần vào triều cống, Thuận Cảnh nương theo đó mà đến. Bấy giờ Sa-môn Đại thừa có ngợi khen rằng: “Tại nước Tân La có Pháp sư Thuận Cảnh tiếng tăm vang động khắp Đường Phiêu, tài học bao gồm cả Đại thừa Tiểu thừa, hạnh nghiệp tôn sùng theo Tôn giả Ca-diếp chỉ chuyên hạnh Đầu Đà, tâm rộng thoáng bó buộc từng nổi danh là Thiểu Dục v.v... Chỉ tiếc thay! Thuận Cảnh lui ở Bản quốc có trước thuật ít nhiều và cũng có truyền đến Trung Nguyên. Với tông chữ ấy là pháp tướng Đại thừa liễu nghĩa vậy, thấy trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Mới đầu theo phát tâm liền đã thành Phật”, mới khởi sinh phỉ báng không tin. Hoặc có thuyết nói là đang lúc mở tay chân, bảo các đệ tử v.v... nâng đỡ xuống đất, đất liền từ từ xé nát ra, bỗng chốc thân hình Thuận Cảnh rơi lọt xuống, người thời bấy giờ nói là thân đang còn sống mà đã bị lấp vùi xuống địa ngục. Đến nay còn có hầm hố rộng hơn 1 trượng, thật là hố hỏm vậy, và xưng gọi là “Thuận Cảnh Nại-lạc-ca” vậy. (Rút từ Tống Tăng truyện).

3. Khoảng đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) thời nhà Tùy, tại Dương Châu có 1 vị Sa-môn, quên mất tên họ, tụng đọc thông rành kinh Niết Bàn tự khoe khoang lấy làm Đạo nghiệp của chính mình. Tại trong thôn Đông Sơn hạ ở Kỳ Châu, có 1 vị Sa-di chuyên trì tụng kinh

Quán Thế Âm, cả 2 vị ấy đều bị bạo tử, dưới tim ngực đều còn nóng ấm và tâm thức của 2 vị đồng đến chỗ vua Diêm-ma, vua thỉnh mời vị Sa-di ngồi nơi tòa vàng cao, rất tỏ vẻ cung kính đó, còn mời vị Sa-môn tụng kinh Niết Bàn ngồi nơi tòa bạc, tỏ tâm cung kính không trọng vọng lắm. Sau mọi sự khám xét đã xong, vua Diêm-ma nói “2 vị thọ mạng vốn còn thừa, nên đều phóng thả trở về”. Vị Sa-môn tụng kinh Niết Bàn ấy trong tâm buồn hận, cây ỷ sự tụng đọc của mình lắm nhiều, mới hỏi chỗ ở của vị Sa-di ấy. Xong rồi 2 người từ biệt nhau, mỗi mỗi đều sống lại. Sau đó, từ phía Nam của vị Sa-di, và hỏi rõ về nguyên do, vị Sa-di ấy đáp: “Tử thuở nhỏ, tôi trì tụng Quán Thế Âm, thay đổi y phục riêng khác tại chỗ riêng khác, đốt hương chú nguyện xong rồi, sau đó mới tụng, pháp thức ấy trọn chẳng biếng lười phế bỏ, ngoài ra không thuật gì khác”. Vị Sa-môn ấy sám tạ rằng: “Tội tôi thật sâu nặng vậy. Tôi trì tụng kinh Niết Bàn mà oai nghi không nghiêm chỉnh, thân miệng bất tịnh, cứ quên mà thôi. Người xưa có để lại lời rằng: “Lắm ác chẳng bằng chút ít thiện”. Ngày nay mới lấy nghiệm biết vậy”. Hối tạ xong, vị Sa-môn tụng kinh Niết Bàn ấy bèn trở về. (Rút từ Pháp Uyển Châu Lâm).

4. Trong thời tiền Đường, tại tích xây dựng lại điện Từ Hòa, sửa đất thường gặp phải loài giun xuyên đục hang lỗ, có 1 vị Sa-môn bảo dùng nước đá vôi rưới đó thì có thể hết. Nhân đó mà giết chết loài giun vô số con. Sau đó không bao lâu vị Sa-môn ấy cảm mắc bệnh ngứa khắp thân thành bệnh nhọt, da thịt đều thối rửa mà chết. (Rút từ Công Quả Cách).

5. Ở chùa Đại Từ tại Thục quận có luật sư Tu Chuẩn, tuy nói là kính phụng luật mà tánh rất hẹp hòi và thô tháo, trước sân trồng tre, có nhiều kiến men ở dưới mái hiên nhà, Tu Chuẩn tức giận chặt bỏ tre, bắt hết kiến vất bỏ vào trong lửa. Về sau, Tu Chuẩn bỗng cảm mắc bệnh ghẻ lở khắp đầu mặt, thầy thuốc bảo: “Bởi kiến tiết lậu, vết thương không thể trị lành”. Sau đó đành chịu chết.

6. Ở chùa Kim Hoa tại Thục quận có Pháp sư Tú Vinh, trong viện có nhiều từng bách nên sinh loài trùng lông sắc vàng thân dài vài ba tấc, chẳng biết số lượng là bao nhiêu, Tú Vinh bảo người quét trừ chôn lấp hoặc thả vào trong chỗ chất chứa củi. Sa-môn Nhân Tú lo liệu việc củi đốt nấu, nên đem củi ấy phơi khô giữa nắng nóng, loài trùng đó chết vô số. Qua hơn tháng sau, Tú Vinh bèn bị bạo tử, trong chùa Kim Hào có 1 Sa-môn khác thân thức vào chốn mình quan thấy Tú Vinh mang gông sắt ngồi nơi đất trống giữa ngày nắng nóng, có hàng vạn con

trùng rúc rửa thân thịt ăn. Vị Sa-môn ấy sau khi hoàn hồn tỏ bày lại đầy đủ sự tình ấy cùng Nhân Tú. Nhân Tú rất kinh sợ, bèn cảm mắc bệnh nhọt sau lưng, qua vài ngày sau đó thì chết.

7. Chùa Từ Vân trên núi Vân Đảnh rất được đàn tín khắp bốn phương quy hướng tìm đến cúng dường vật thực rất nồng hậu, chủ chùa là Sa-môn Thẩm Ngôn tánh tình tham lam thô bỉ, khi đối cất giắt của cải cúng thí bản tự để uống rượu ăn thịt nuôi dưỡng vợ con, không điều gì chẳng làm. Tăng chúng hơi cô quạnh thanh khiết nếu gặp hấn lấn lướt mắng nhục. Một sáng sớm nọ, cảm mắc bệnh rất lắm. Thẩm Ngôn tự nói rằng: “Giữa không trung có dây treo 1 cối đá, có 1 con chuột gặm cắn dây, dây ấy đứt cối đá rơi trúng ngay tim”. Kêu lớn 1 tiếng rồi tắt hơi thở, lâu sau tỉnh sống lại, cứ như thế qua vài mươi lần mới chết. Qua năm sau, trong thôn phía dưới chùa có 1 con trâu sinh ra con nghé, dưới bụng rõ ràng có 2 chữ “Thẩm Ngôn”. (Rút từ cảnh giới lục).

8. Trong thời nhà Tùy tại Lương Châu có Sa-môn Tuệ Toàn, có được đồ chúng đến 500 vị. Trong đó có 1 vị thô xấu khác lạ, Tuệ Toàn vốn chỗ chẳng ghi nhận, bỗng nhiên người ấy tự nói chứng đắc A-na-hàm quả. Tuệ Toàn cảm mắc bệnh đóng bít cửa, người ấy đi thẳng đến trước giường để hỏi thăm bệnh, mà cửa vẫn đóng bít như cũ, ngày hôm sau cũng lại như vậy. Nhân đó người ấy nói cùng Tuệ Toàn rằng: “Sau khi Thầy mạng chung sẽ thác sinh vào nhà Bà-la-môn”. Tuệ Toàn bảo: “Ta suốt 1 đời tọa thiền, cố sao lại sinh vào đó?” Người ấy đáp: “Vì thầy tin Đạo chưa thuần, ngoại học chưa dứt, nên tuy có phước nghiệp mà chẳng được vượt đến”.

9. Ở chùa Lợi Tế tại Ô Trấn có vị Sa-môn, chỉ 2 thầy trò, đều xưng là căn trọng thuần hậu, nên mọi người đến nương nhờ tụng kinh sám sám ngày một đông nhiều. Nhân đó mọi sự cúng dường càng sung túc, nhưng vị Sa-môn ấy lại keo lậ chẳng tự sử dụng lại cũng không bố thí. Về sau cảm mắc bệnh, người trong dòng tộc đến nghinh đón về để điều trị, bỗng chốc vị Sa-môn ấy qua đời, mọi của cải tích chứa lúc bình sinh đều thuộc về của người dòng tộc có được. Qua 10 năm sau, vị Sa-môn ấy hiện mộng về báo cùng người thân rằng: “Tụng kinh sám sám chưa được hoàn tất, nơi âm phủ xét khảo rất kỹ, khổ chẳng thể nói được”.

10. Trong Tạc Sơn có vị Tăng phương ngoại cảm mắc bệnh đã quá dữ, đến chiều ra ngoài cúng thí, vị Tăng ấy nói cùng những người đến thăm bệnh rằng: “Có quý bạn ta đồng ra đến hưởng thọ. Giả từ rồi chẳng đến, bỗng chốc trở lại nói” Pháp sư chẳng thành thật. Chúng tôi rỗng không trở lại hấn phải có gì báo đó chứ?” Khi đó nắm lấy cánh

tay ta hài hòa cùng đi. Chúng tôi kéo dùm dằng, bảo rằng: “Muốn kéo Pháp sư nay xuống đất”. Ta ra khiếp sợ kêu cứu thất thanh, đồng 1 lúc tan đi hết”. Qua vài ngày sau, vị Tăng ấy qua đời.

Cho đến có 1 vị Tăng không thành thật, bị quỷ khiêng đến trong sông nước muốn nhận chìm đó. Lại có 1 vị Tăng mất chìa khóa rương tráp, y phục, trong tâm cứ nghĩ tưởng đến lá mía ở khóa, các quỷ thấy trên cơm đều là sắt mảnh, bèn không ăn được. Có 1 vị Tăng hong phơi y phục chần màn chưa gom lấy, gặp lúc trời mưa nên trong tâm nghĩ nhớ y phục chần màn ấy. Các quỷ thất trên cơm đều là lông thú, bèn ăn không được. Mỗi mỗi đều nhận chịu khổ quả báo. Lại có 1 vị người thân thức đến chốn minh quan thấy trong phòng đen tối có vài trăm vị Tăng thân thể suy yếu tiêu hao, nhan sắc tiêu tụy, tựa như tướng trạng khổ não chẳng kham. Bèn hỏi thăm đó thì đều là những vị Sư chuyên cúng thí thực vậy. (Rút từ Trúc Song Tùy Bút).

11. Tại Giang Bắc có Sa-môn Ân Viên, tham học ở Thiên Ninh. Trong tháng 06 năm đó, bị bạo tử. Thân mẫu của Ân Viên ở tại Tần Châu nên khi báo đến thì da dẻ của Ân Viên dính liền với chiếu. Sắp tẩn liệm, Ân Viên bỗng nhiên sống lại, nói với lời tiếng nhỏ nhiệm rằng: “Đời trước từng làm quan lệnh ở huyện (...) ấy, tự xâm đoạt lấy kho bạc rồi vấy họa cho kẻ lại giữ kho, lại tính cách giết chết kẻ đó để bít lấp miệng mồm. Kẻ lại ấy rất phẫn hận, kiện tụng đến Diêm Quân (vua Diêm-ma), đòi phải bắt lấy để đối trị. vua Diêm-ma khuyên kẻ lại ấy rằng: “Kẻ kia (tức chỉ Ân Viên) đã xuất gia làm Tăng, mà người quyết ý báo thù lại thì sao bằng khiến dùng pháp lực để siêu độ cho người ư? Ân Viên vâng thừa ý chỉ bèn lập nguyện suốt 3 năm mỗi ngày sám hối đánh lễ danh hiệu ngàn Đức Phật, ban đêm phóng thả được trở về lại núi, để giải mở oán hận xưa trước. Kẻ lại ấy bèn gật đầu chấp nhận. Nên Ân Viên được sống lại. Nhân xin 1 vị Minh sứ dẫn đi nơi chốn địa phủ đến 1 chỗ đại hội, trên tấm bảng ghi là “Bổ Kinh Đường” (nhà tụng kinh bổ khuyết), trong đó có hàng trăm Tăng Đạo nương nhờ ánh sáng mà tụng đọc kinh, bỗng chốc liền tối mịt. Ân Viên hỏi “Đó là xứ nào?” Minh sứ đáp rằng: “Đó là các vị Tăng Đạo lúc ở dương gian bao nhận tạng kinh của thí chủ, tuy được tiền của mà kinh chưa tụng xong, nên ở trong đây để tụng bổ khuyết vậy”. Ân Viên lại hỏi: “Cớ sao bỗng chốc liền tối mịt như thế?” Minh sứ đáp: “Vì nghiệp lực sâu dày, không cho được tiện lợi khiến bổ khuyết hoàn mãn nên phải chờ đợi lâu ánh sáng mới hiện lại, vừa hiện thì liền tiêu tắt, khiến các vị ấy ở lâu nơi ngục tối vậy”. Sau khi sống lại, Ân Viên thù đáp nguyện mong hoàn

tất. Sau đó đến tham học ở Linh Ẩn vậy.

12. Ở chùa Bạch Tước tại Hồ châu có Luật sư Nhưặc Am là người nổi đời dòng pháp của Hòa thượng Mậu Lâm ở chùa Báo Quốc tại Tô Châu. Trong chùa xây dựng điện Đại Bi thiếu thêm cấp đá, có 1 thí chủ người dòng họ Phan quyên được 20 vàng khiến tạo dựng hoàn tất công án ấy. Nhưặc Am cho là nhà xí ở phía Đông chưa hoàn thành, chúng Tăng không nơi tiện lợi, nên tạm mượn thêm cấp đá ấy để làm hầm hố. Sau đó, vị thí chủ ấy đến, hỏi nguyên do. Nhưặc Am nói: “Tôi đã riêng làm được 1 việc công đức rất tốt lành. Sau này sẽ tìm kiếm bạc để hoàn thành thêm cấp đá ấy vậy”. Vị thí chủ ấy đành lòng ngậm hận. Sau khi Nhưặc Am qua đời, có 1 vị Sa-di bỗng nhiên phát điên. Vị Tăng chủ sự dùng dây cỏ gai buộc trói ngược giam giữ trong 1 ngôi nhà. Sáng ngày hôm sau, vị Sa-di ấy bỗng nhiên thoát vượt ra ngoài, có người hỏi: “Ai mở khóa trói cho người vậy”. Vị Sa-di điên ấy đáp: “Hòa thượng Nhưặc Am mở khóa vậy”. Đại chúng nghi ngờ cho là dối vọng. Nhưặc Am liền gá miệng vị Sa-di ấy mà bảo: “Sa-di này chẳng dối đâu, chính ta mở thật đó. Nhân vì ta sai lầm dùng đá làm thêm cấp điện Đại Bi mà làm nhà xí ở phía Đông, nên Minh phủ thưởng dùng đá lớn để đè ép ta, khổ sở chẳng thể nói. Đồ chúng các ông mà phá gỗ đá tẩy rửa sạch. Đồng thời nhóm tập Tăng chúng tụng kinh Phạm Võng, thì nỗi khổ của Ta liền được thoát khỏi vậy”. Tăng chúng hỏi: “Hòa thượng làm sao nương gá vào Sa-di ấy ư?” Nhưặc Am đáp: “Lén thấy Sa-di ấy đã điên, trên đầu không có ánh sáng lớn, ta mới được nương gá vào đó mà truyền tin. Nếu chẳng vậy thì ta phải nhận chịu khổ không có kỳ hạn thoát khỏi đó”. Tăng chúng bèn y theo lời bảo mà phá gỗ đá, và nhóm tập Tăng chúng tụng kinh Phạm Võng, Nhưặc Am mới đi vậy.

13. Tại Tần Châu có 1 vị Tăng hiệu là (...) theo hầu Tam Muội Tiên Lão Nhân (Hoa Sơn Cụ Đức). Có 1 năm nọ vì làm Giám viện ở điện Tạng tại xứ (...) đó, mà tánh rất keo kiệt, chẳng lãng phí tiêu dùng 1 tiền. Sau khi vị Tăng ấy thị tịch, vào trong giữa đêm, có vị Tịnh nhân (cư sĩ) ở trong điện, nơi 2 Thiền đơn của Tăng, liền thấy Giám viện (vị Tăng ấy) hiện hình, mới đầu vì sửa chỉnh giày dép nơi 2 đơn của Tăng mà nét mặt tỏ vẻ buồn khổ, tiếp đến lên nơi tòa Phật đưa tay sờ mó vào tạng hoa quan khác, sau đó vui cười mà đi, chúng Tăng đem sự việc ấy thưa bạch cùng Tiên Lão Nhân. Tiên Lão Nhân bảo: “Nghệp chướng ấy hẳn có di vật tại trong hoa quan, nên ràng buộc quyền luyến không xả bỏ vậy”. Và liền bảo đưa thang leo lên xét xem quả nhiên có bạc và 80 vàng. Tiên Lão Nhân bảo vì tu tạo trai phước mà truy cúng. Sau khi

Pháp sư hoàn tất, từ đó không còn thấy hiện về nữa.

14. Nội ngữ tắc Lô Phủ ở Giang Ninh, có 1 tục Tăng rất ưa thích bài bạc, nên các thứ y vật đều hết sạch, chỉ còn được 1 tôn tượng Đức Phật Di Lạc bằng đồng cao khoảng 2 thước, bèn đem đổi bán cho Hội Tử lấy bạc và 3 vàng. Trong đêm, Hội Tử khiêng đưa tượng về nhà, dùng chày sắt lớn đánh vào đầu tượng Phật. Song, bèn cứng chẳng lay động, lại bắn tóe sao lửa, Hội Tử bảo “chắc là trên đỉnh đầu đồng đúc dày”. Mới dùng chày đánh vào bụng tượng, bỗng nhiên Đức Di Lạc mở miệng cười lớn, Hội Tử kinh sợ ngã lộn, cúi đầu tạ tội. Đến sáng ngày bèn dùng hương hoa trống kèn nghinh đưa tôn tượng trả lại am cũ. Vị tục Tăng chủ ở đó vội chạy trốn, về sau mắc bệnh độc dữ mà qua đời.

15. Tại Ma Thành có 1 Tăng-giàu có tên là Bích Phan, từng quyên 100 vàng để trợ giúp dân chúng trong thôn xây dựng chỗ canh phòng bảo vệ 1 phương. Đồ chúng đông vô cùng, muốn được đi cầu thọ giới, Bích Phan không chấp thuận. Ban đêm đồ chúng lén chạy đến chỗ Hòa thượng Hạnh Nham cầu xin bảm thọ giới pháp xong rồi trở về lại. Bích Phan chỉ 1 lần vừa trông thấy liền nổi cơn tức giận ùng ùng, xé rách 3 pháp y, ném vỡ bình bát. Ngay chiều hôm đó, vừa mới nằm ngủ, Bích Phan liền thấy Vi Đà Tôn Thiên tức giận rất lắm quát mắng rằng: “Người là người gì mà dám hủy phá pháp khí của Đức Như Lai vậy ư?”. Và dáng đứng như muốn dùng chày bấu để đánh đó, Bích Phan cúi đầu cầu xin sám hối. Vi Đà Tôn Thiên bảo rằng: “Nghĩ nhớ người có công lao tu tạo nơi canh phòng, chẳng lấy bớt đi 1 cánh tay”. Bèn đưa chày nhẹ nhẹ đến chấm 1 chấm nơi cánh tay phải. Bích Phan cuống đầu kêu lên 1 tiếng mà tỉnh lại. Trong khoảng vài ngày bỗng có 1 vết tiêu đen nơi cánh tay phải, dài khoảng bảy tám tấc, nắm tay nhỏ như trái quýt treo trên vai. Đến nay thầy trò Bích Phan vẫn hiện còn vậy (ghi theo quả báo hiện có).

16. Ở chùa Đại Trung Hưng tại kinh đô thời Bắc Chu, có Sa-môn Thích Đạo An, vốn dòng họ Diêu, là bậc Thức ngộ Huyền lý, sớm nương gá pháp môn, thần khí cao sáng, tiết tháo cao xa, có trước thuật Dị giới gồm 1 chương để răn dạy môn nhân đệ tử. Bản Di giới ấy với văn từ ghi rằng:

“Kính tạ cùng các đệ tử v.v...! Phàm xuất gia làm Đạo rất nặng rất khó, không thể tự xem thường, không thể tự lấy làm dễ. Sở dĩ nặng là vì đội Đạo đeo đức buộc nhân mang nghĩa, phụng trì tịnh giới đến chết mà thôi. Sở dĩ khó là vì dứt thế lìa tục, trọn cắt bỏ thân ái, xoay tình đối tánh, chẳng đồng như mọi người, thực hành việc mà người không thể

thực hành, cắt bỏ sự mà người hữu tình cắt bỏ. Nhẫn khổ chịu nhục, vất bỏ thân mạng, nên gọi là khó vậy. Được mang danh là Đạo nhân. Đạo nhân nghĩa là dắt dẫn cho người vậy. Hành vi hẳn có thể đáp lại, nói năng hẳn đúng hợp với pháp. Đáp mặc xuất gia thì cử động là phép tắc, không tham không tranh, không gièm pha không trốn giấu. Học hỏi cao xa, chí luôn đặt để huyền mặc, thì là danh xưng dự tham ngôi vị trong tam tôn, ra hiện vào Thánh, tẩy trừ tình hôn. Nêu được vua chúa chẳng cao hơn phước báo ấy, song thân chẳng cao hơn Đạo lực ấy, khắp trong trời người không ai chẳng quy nhiếp. Vứt bỏ vợ con, giảm bớt nuôi dưỡng, cúng dâng ăn mặc, chịu thân cúi ngưỡng, chẳng từ nhọc hận. Dùng chí hạnh ấy thanh khiết thông cả thần minh, đạ bạc rỗng sạch, đáng kỳ đáng quý. Như tự khuynh hướng hoang lưu thì Đạo pháp bèn suy biến. Những người mới học chưa thấu hiểu pháp tắc, bỏ chánh theo tà, quên sự chân thật ấy. Lấy chút hiểu biết cho là trí tuệ, lấy chút cung kính lấy đó làm đủ. Ăn no trọn ngày không chút dụng tâm. Lại tự suy xét, thật đáng buồn thương. Tính đến ngày nay xuất gia đã nhiều năm tháng mà kinh nghiệp chưa thông, chữ nghĩa chẳng rành, nhọc mất một đời, không chỗ thành danh. Những sự như thế, không thể nghĩ sâu, hạn định vô thường chẳng sớm thì tối, thống khổ trong tam đồ, không mạnh thì yếu. Bởi tình nghĩa sâu xa giữa thầy trò nên vì tỏ bày chỉ bảo, các hàng hữu tình có thể lấy để tự răn:

- Ông đã xuất gia trọn trái ngược với sự sống thế tục, cạo bỏ râu tóc hủy phá dung nghi, dùng pháp phục che thân. Ngày xa lìa thân thích, trên dưới mọi người lệ đổ hoen my, cắt đứt ái ân kính sùng Đạo pháp, ý muốn vượt lên sự trong sạch lớn, đáng nên tuân theo chí ý ấy, kinh đạo tu tập thông rành. Cớ sao lại vô tâm cố còn thanh sắc, dằn dặc trọn ngày, kinh nghiệp chẳng thành, đức hạnh ngày một tổn mất, vết dơ bẩn bèn mạnh lớn. Thầy bạn xấu hổ, phàm tục xem thường. Xuất gia như thế nhọc tự làm nhục chánh danh. Nên răn khuyên gắng, cần phải tinh chuyên.

- Ông đã xuất gia bỏ tục lìa vua, nên tự răn gắng, chí quả ở tận mây xanh, tài sắc chẳng đoái hoài, chẳng đềm như thế tục. Vàng ngọc không quý, chỉ Đạo là trân quý, ước chế tự mình giữ gìn chí tiết, nhẫn khổ vui nghèo, pháp huy đức hạnh tự độ, lại hay cứu độ người, cớ sao đổi bỏ tiết tháo rong ruổi theo phong trần, ngôi chưa nóng chiếu vội rảo Đông tây, quá hơn quan huyện kéo bắt làm việc, kinh Đạo không thông, giới đức chẳng toàn, bè bạn cười chê, động học vất bỏ, xuất gia như thế, chỉ nhọc mất ngày trời. Nay nên răn khuyên gắng, mỗi cần tự

thương xót mình.

- Ông đã xuất gia, vĩnh viễn xa lìa tông tộc họ hàng, không thân không sơ, thanh tịnh không ham thích, tốt cũng chẳng mừng vui, xấu cũng không buồn khóc, vượt hẳn thông dong, tự nhiên lìa tục, chí ở huyền diệu, khuôn phép chân thật, giữ gìn mô phạm, được độ lại rộng cứu giúp, khiến khắp thấm đượm phước lộc. Cớ sao lại vô tâm, bèn đắm nhiễm xúc, tranh không hơn kém, cân lường đấu hộc, cùng người thế tục tranh lợi, đâu khác gì kẻ tôi tớ. Kinh Đạo chẳng rành, đức hạnh không đủ. Xuất gia như thế, nhọc tự hủy nhục. Nên nay răn bày, mỗi tự nên tầm gọi.

- Ông đã xuất gia, xưng gọi Đạo nhân, cha mẹ chẳng kính, vua chúa không hầu, khắp trời đồng dâng phụng kính thờ như thần, cúi đầu cung kính, chẳng kể giàu nghèo, bởi kính chuộng sự tu trì thanh tịnh ấy, tự lợi lợi người, giảm cất rất nặng, một hạt gạo có đến 7 cân. Cớ sao lại biếng lười khi mạn, chẳng hay báo ân, cậy phóng du dật, thân ý rộng phiến. Không giới đức mà ăn dùng cúng thí, sau khi chết vào núi Thái Sơn, ăn viên sắt nóng, uống nước đông sôi, thống khổ như thế, kinh điển diễn tả đủ. Nên nay răn ước, mỗi tự cần phải đổi mới.

- Ông đã xuất gia, xưng gọi là tức tâm, chẳng đắm trước ược tạp, chỉ khâm trọng Đạo, chí dự tham thanh khiết như ngọc như băng, phải tu kinh giới để cứu giúp tinh thần, chúng sinh mong đội nhờ và độ bao người thân. Cớ sao lại vô tâm, đắm chìm theo thế tục, phóng túc bốn đại mặc tình năm căn. Đạo đức bèn cạn, việc đời càng sâu, xuất gia như thế, đồng như bụi đời. Nên nay răn ước, mong mỗi tự mở thân.

- Ông đã xuất gia, vất bỏ hình hài thế tục, phải chuyên dốc tâm tình phù hợp với Niết bàn, cớ sao lại nhiều động, chẳng vui thích nhàn cư, kinh Đạo tổn hao, việc đời có thừa. Sạch trắng chẳng đến, vào trái Niết bàn. Mạng thoát quá ảnh chỉ trong chốc lát. Thống khổ nơi địa ngục, không thể ghi hết. Nên nay răn khuyên gắng, mỗi tự nên tôn sùng khuôn phép.

- Ông đã xuất gia, không thể tự khoáng dung, thân hình tuy thô xấu mà cử chỉ đáng trông xem, y phục tuy đơn sơ, đứng ngồi khiến đoan chánh, ăn uống tuy đạm bạc nhưng mở lời đáng ngon lành. Mùa hạ thì nhận nóng, mùa Đông thì chịu lạnh, hay tự giữ tiết, chẳng uống trộm nước suối, cung phụng của kẻ ngu đủ chẳng vọng trước. Lâu ở nơi thất riêng như vào nhà đấng chí tôn. Học tuy chẳng lắm, nhưng có thể ngang bằng bậc Thượng Hiền, xuất gia như thế, đáng đủ báo bổ song thân, tông tộc dòng họ quen biết thấy đều nhờ ân. Nên nay khuyên răn các

ông, nên mỗi tự đôn đốc.

- Ông đã xuất gia, tánh có tối sáng, học không ít nhiều, cốt yết ở tinh tu, hạng Thượng sĩ thì tọa thiền, hạng Trung sĩ thì tụng kinh, hạng Hạ sĩ thì kham nhận tạo dựng chùa tháp, đâu có thể trọn ngày không thành một sự gì. Lập thân không nghe mới có thể gọi là học trò. Nên nay khuyên răn các ông, mỗi tự thẳng tình.

- Ông đã xuất gia, trọn trái nghịch với song thân, nương đạo pháp mà đổi tánh, y phục thế tục lìa khỏi thân hình. Ngày xa lìa thân thích chợt buồn chợt vui. Xa vời dứt tục, vượt khỏi trần ai, phải tu kinh Đạo, khắc chế tự mình giảm trừ chánh chân. Cớ sao lại vô tâm, càng nhiễm tục nhân, kinh Đạo đã mỏng manh, chí hạnh lại không mảy lông, nói năng chẳng gì đáng quý, đức hạnh chẳng gì đáng trân. Thầy bạn rất mực phiền lụy, phần hận ngày một lớn sâu. Xuất gia như thế, chỉ tổn hại Đạo pháp ô nhục tự thân, nên tư duy đó, nghĩ nhớ đó, khéo tự nuôi thân!” (Rút từ tục Cao Tăng truyện và pháp Uyển Châu Lâm).

17. Sa-môn Như Cảnh ở chùa Nguyên Thiên răn dạy rằng: “Gần đây có những hạng người xuất gia, tuy nói là lìa tục, mà tập tục chẳng trừ bỏ, nói là xuất trần mà trần duyên chẳng dứt. Đối với kinh giáo cố nhiên không biết, còn với tham thiền lại chẳng hiểu gì. Tâm vượn chạy loạn, ý ngựa buông rong, nhóm đội thành đàn đánh hồng qua ngày, không chỉ rỗng tiêu của tín thí, mà cũng tự lấp vùi tánh linh của chính mình. Đến lúc mắt sáng rơi nơi đất, đầu đường biết đến hướng nào. Đang khi giữa trời trong tỏ sáng mà cha mẹ chẳng biết, chưa chứng cho là đã chứng, chưa đắc cho là đã đắc. Thật là nhọc vào không môn, sống rỗng chết buông. Ôi! Thử xin hỏi cùng các ông nhân xuất gia để làm việc gì? Vì cơm áo ư? Vì tham giàu sang ư? Vì cầu sự an lạc ư? Cha mẹ xả bỏ cho các ông xuất gia, chỉ hoài mong siêu độ cho song thân, báo đáp bốn ân, mà nay tự mình còn không thể nương tựa, huống hồ làm sao cứu giúp người khác ư? Có ngày Diêm La Lão Tử sẽ cùng ông đánh tính tiền cơm, sẽ rất chỉ trích, như chẳng rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, nhất định cũng phải mang lông đội sừng. Xuất gia như thế thật đáng buồn thương, thật đáng đau xót!

Chư nhân giả đuổi theo đó, trước lúc chưa già không bệnh, hãy gấp sớm tính kế tạo tác sự sống, kiên trì trai giới, niệm Phật tụng kinh, lễ sám phát nguyện, cầu sinh về Tịnh độ. Sau khi được thấy Đức Phật A-di-đà, mới có thể lấy đó cứu độ mẹ cha, mới có thể lấy đó báo đáp bốn ân, mới có thể lấy đó cứu vớt quần sinh, mới có thể lấy đó trọn hưởng thọ khoái lạc. Xuất gia như thế mới thật là Phật Tử”. (Rút từ Tịnh

độ hoặc vấn).

Phàm, thuyết thiện ác báo ứng, kiệt xuất nơi kinh điển, mà hàng ngu bột còn mê hoặc đó. Nếu chứng nhận đó ở sự thật, cũng là một thuật cảnh giác vậy. Nhân những ngày rảnh rỗi, giã đọc các truyện xưa, tham cứu ghi chép nghiệp báo của hàng Tăng Lữ rõ ràng. Chợt gặp được bộ “Sự tự xét ghi trong nhà Phật” (Thích Môn Tự Cảnh Lục) của Đại sư Hoài Tín, tôi mới than rằng: “Ta nghĩ người xưa thật thấu được tâm ta thay!” Mới đem khắc bản in để rộng lưu truyền. Vả lại nay đây có thêm được bấy nhiêu điều mới phụ bổ túc ở sau vậy.

Ngày 14 tháng 08 năm Nhâm thìn tức năm An Vĩnh thứ nhất

Sa-môn Thích Huyền Trí ở chùa Khánh Chứng tại Bình An viết tại Nam Kỳ Lộ Sâm tỉnh sở.

